

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

HOÀNG ĐÌNH ĐẮC

**THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA
TỘI CÓ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỔN HẠI CHO SỨC
KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC THEO PHÁP LUẬT TỐ TỤNG
HÌNH SỰ VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN TỈNH VĨNH PHÚC**

Chuyên ngành : Luật hình sự và tố tụng hình sự

Mã số : 60 38 01 04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS. CAO THỊ OANH

HÀ NỘI, 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tôi. Các số liệu nêu trong luận văn là trung thực. Những kết luận khoa học của luận văn chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

Hoàng Đình Đắc

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: Những vấn đề lý luận về thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác	7
1.1. Khái niệm, nội dung và đặc điểm thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.....	7
1.2. Đối tượng và phạm vi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.....	15
1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc	17
Chương 2: Thực trạng thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc	22
2.1. Những quy định của Luật tố tụng hình sự hiện hành về thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác	22
2.2. Tình hình tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác và thực trạng thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra tội phạm này trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.....	40
Chương 3: Giải pháp nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.....	53
3.1. Yêu cầu nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.....	53
3.2. Các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.....	55
Kết luận	66
Danh mục tài liệu tham khảo	68

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BLHS	:	Bộ luật hình sự
BLTTHS	:	Bộ luật tố tụng hình sự
CQĐT	:	Cơ quan điều tra
ĐTV	:	Điều tra viên
KSV	:	Kiểm sát viên
THQCT	:	Thực hành quyền công tố
TNHS	:	Trách nhiệm hình sự
TTHS	:	Tố tụng hình sự
VAHS	:	Vụ án hình sự
VKS	:	Viện kiểm sát
VKSND	:	Viện kiểm sát nhân dân
VKSNDTC	:	Viện kiểm sát nhân dân tối cao

DANH MỤC CÁC BẢNG

	Trang
Bảng 2.1: Tình hình tội phạm ở Vĩnh Phúc từ năm 2012 đến năm 2016	41
Bảng 2.2: Số vụ, số bị can tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác Cơ quan điều tra thụ lý giải quyết từ năm 2012 đến năm 2016 so với các tội phạm xảy ra trên địa bàn	43

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX đã chỉ rõ: “*Viện kiểm sát nhân dân tập trung làm tốt chức năng công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp*”. Yêu cầu trên đã được thể chế hóa trong Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi năm 2001), Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân 2002, BLTTHS năm 2003 và tiếp tục được khẳng định ở Hiến pháp năm 2013 và Luật tổ chức Viện kiểm sát năm 2014. Vì vậy, nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát là một đòi hỏi cấp bách của Đảng, Nhà nước ta trong giai đoạn hiện nay.

Thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ chính trị “*Về một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới*” [2]; Nghị quyết số 48-NQ/TW “*Về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*”, trong đó có nội dung: “*Hoàn thiện pháp luật về tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát theo hướng bảo đảm thực hiện tốt chức năng công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp. Nghiên cứu hướng tới chuyển thành Viện công tố*” [3] và Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 “*Về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*” [4], BLTTHS năm 2003 đã có những quy định thể hiện tinh thần đó.

Trong những năm qua, Vĩnh Phúc đã đạt được nhiều thành tựu trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa... Nhưng kèm theo đó là tình hình tội phạm cũng gia tăng, diễn biến phức tạp, mức độ phạm tội ngày càng nghiêm trọng, đặc biệt là tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, các đối tượng thực hiện hành vi phạm tội ngày càng liều lĩnh, coi thường tính mạng sức khỏe người khác; tuổi đời đối tượng gây án ngày càng trẻ; sử dụng hung khí nguy hiểm; gây thương tích cho nhiều người; tính chất

vụ án ngày càng nghiêm trọng; xuất hiện các ổ nhóm đối tượng hoạt động theo kiểu “xã hội đen”. Trong công tác THQCT của VKSND tỉnh Vĩnh Phúc vẫn còn những tồn tại, thiếu sót, một số KSV được phân công nhiệm vụ THQCT chưa nắm vững các quy định của pháp luật, chưa bám sát được tiến độ điều tra, năng lực trình độ tổng hợp, phân tích, đánh giá chứng cứ còn hạn chế, thiếu toàn diện dẫn đến nhiều vụ án gặp không ít khó khăn, làm ảnh hưởng đến công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm. Vì vậy công tác THQCT cần phải được nâng cao để VKS có thể thực hiện tốt hơn chức năng, nhiệm vụ của mình.

Để góp phần nâng cao hiệu quả công tác THQCT đối với các VAHS nói chung, THQCT trong giai đoạn điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nói riêng. Đồng thời, góp phần tổng kết kinh nghiệm thực tiễn hoạt động của công tác THQCT trong giai đoạn điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc, tác giả đã chọn đề tài nghiên cứu: *“Thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Vĩnh Phúc”* làm luận văn thạc sĩ Luật học.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Trong thời gian qua, vấn đề quyền công tố và THQCT được nhiều nhà khoa học pháp lý cũng như những người làm công tác thực tiễn nghiên cứu, đề cập. Một số tác giả đã có những nghiên cứu, bài viết về vấn đề này:

- Tiến sỹ khoa học Lê Cẩm có bài *“Những vấn đề lý luận về chế định quyền công tố”* (nhìn nhận từ góc độ nhà nước pháp quyền), Tạp chí khoa học pháp lý, Hà Nội, 2001 [5]; Tiến sỹ Trần Văn Độ có bài *“Một số vấn đề về quyền công tố”*, Tạp chí luật học số 3/2001 [8],...

- Một số sách chuyên khảo như: Thực hành quyền công tố và kiểm sát

các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra do tác giả Lê Hữu Thế làm chủ biên, Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội, 2005 [25]; Một số vấn đề tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra theo yêu cầu cải cách tư pháp của tác giả Nguyễn Hải Phong, Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội, 2013 [16];...

- Một số công trình nghiên cứu khoa học ở các cấp độ khác nhau về vấn đề đổi mới tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát theo yêu cầu cải cách tư pháp trong đó có đề tài khoa học cấp Bộ: *"Những vấn đề lý luận về quyền công tố và thực tiễn hoạt động công tố ở Việt Nam từ 1945 đến nay"* - Viện Khoa học kiểm sát – VKSNDTC, Hà Nội, 1999; đề tài khoa học cấp Bộ: *"Những giải pháp nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp"*, Viện Khoa học kiểm sát – VKSNDTC, Hà Nội, 2005; đề tài khoa học cấp Bộ: *"Vai trò của Viện kiểm sát trong việc thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp theo tinh thần Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị"*, Viện Khoa học kiểm sát – VKSNDTC, Hà Nội, 2005;...

- Luận văn thạc sĩ: Thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra VAHS từ thực tiễn tỉnh Kiên Giang của tác giả Huỳnh Minh Khởi, Học viện Khoa học xã hội, 2015 [13]; Luận án tiến sĩ luật học: Quyền công tố ở Việt Nam của tác giả Lê Thị Tuyết Hoa, Học viện Khoa học xã hội, 2000 [10];...

Ngoài ra còn có nhiều bài viết của các tác giả trên các tạp chí khoa học pháp lý cũng bàn về quyền công tố và chức năng THQCT của VKS. Các công trình nghiên cứu trên mới đề cập nhiều về mặt lý luận và giới hạn nội dung hoạt động THQCT nói chung hoặc hoạt động THQCT ở một nhóm tội, ở nhiều giai đoạn tố tụng khác nhau, chưa có tác giả nào đi sâu vào phân tích về quyền công tố và THQCT trong giai đoạn điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác từ thực tiễn tỉnh Vĩnh Phúc.

Vì vậy, luận văn là công trình khoa học đầu tiên nghiên cứu về THQCT trong giai đoạn điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Vĩnh Phúc. Mặc dù vậy những công trình đã được công bố là những tài liệu tham khảo có giá trị để nghiên cứu và viết hoàn thành luận văn.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở làm rõ khái niệm quyền công tố và thực hành quyền công tố, đi sâu phân tích các quy định của luật TTHS Việt Nam về THQCT trong giai đoạn điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác từ thực tiễn tỉnh Vĩnh Phúc. Từ đó luận văn đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng THQCT trong giai đoạn điều tra loại tội này.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được những mục đích đã nêu trên, luận văn phải nghiên cứu được những vấn đề sau:

- Nghiên cứu khái quát về quyền công tố, THQCT nói chung và thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác nói riêng.

- Khảo sát, phân tích và đánh giá thực trạng hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Vĩnh Phúc trong 05 năm (2012- 2016). Chỉ ra những mặt tích cực, hạn chế, nguyên nhân tồn tại và những vướng mắc trong hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

- Đề xuất các giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả công tác thực hành

quyền công tố trong giai đoạn điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong thời gian tới.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Qua nghiên cứu một cách khái quát về quyền công tố và thực hành quyền công tố, đề tài tập trung nghiên cứu hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

Đánh giá đúng thực trạng tình hình, những ưu điểm, tồn tại, nguyên nhân của công tác THQCT trong giai đoạn điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Vĩnh Phúc từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra loại tội này trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Luận văn tập trung nghiên cứu công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Vĩnh Phúc trong thời gian 05 năm (từ năm 2012 đến năm 2016).

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Đề tài được thực hiện trên cơ sở lý luận của Chủ nghĩa Mác- Lênin; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Các quan điểm của Đảng về Nhà nước và pháp luật; Quan điểm về xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam và cải cách tư pháp.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu, đề tài sử dụng những phương pháp của Chủ nghĩa Mác-Lênin như: Phương pháp duy vật biện chứng, duy vật lịch sử.

Bên cạnh đó đề tài còn sử dụng những phương pháp như: Phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh, khảo sát, điều tra, thống kê,...

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Kết quả nghiên cứu đề tài “*Thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Vĩnh Phúc*” góp phần làm sáng tỏ thêm những vấn đề lý luận cơ bản về thực hành quyền công tố nói chung cũng như thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nói riêng.

Kết quả nghiên cứu luận văn có thể dùng làm tài liệu tham khảo cho việc học tập và nghiên cứu liên quan đến hoạt động thực hành quyền công tố cũng như đối với các nhà hoạch định chính sách pháp luật và những ai quan tâm đến vấn đề này.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 03 chương.

Chương 1: Những vấn đề lý luận về thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Chương 2: Thực trạng thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Chương 3: Giải pháp nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA TỘI CÓ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỒN HẠI CHO SỨC KHOẺ CỦA NGƯỜI KHÁC

1.1. Khái niệm, nội dung và đặc điểm thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

1.1.1. Khái niệm thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Theo quy định của Hiến pháp và pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì VKSND là cơ quan duy nhất thực hiện chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp. Điều này đã được khẳng định tại Hiến pháp sửa đổi bổ sung năm 2013 và tại Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 được Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2014. Đây là chức năng hiến định của VKSND trong giai đoạn hiện nay và cũng như tổ chức tiền thân trước đó là Viện công tố ra đời và đi vào hoạt động từ những năm 1960. Mặc dù vậy cho đến nay trong khoa học pháp lý nói chung và khoa học Kiểm sát nói riêng cũng như trong thực tiễn thì hoạt động của VKSND chưa đạt được sự thống nhất cao về các phương diện khái niệm, nội dung, đối tượng và phạm vi điều chỉnh của thực hành quyền công tố. Do đó để hiểu THQCT chúng ta phải hiểu về khái niệm quyền công tố trên phương diện lý luận và thực tiễn. Ở nước ta hiện nay thì quyền công tố còn có nhiều quan điểm khác nhau và khái quát lại thì có một số quan điểm sau:

- Quan điểm thứ nhất: Công tố không phải là chức năng độc lập của Viện kiểm sát mà chỉ là hình thức thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo

pháp luật trong TTHS. Quan hệ giữa THQCT và kiểm sát việc tuân theo pháp luật là quan hệ giữa cái riêng và cái chung [17, tr.127 - 151].

- Quan điểm thứ hai: Quyền công tố là sự cáo buộc của Nhà nước đối với các cá nhân, tổ chức vi phạm pháp luật [25, tr.28]. Với tư cách là một quyền năng của Nhà nước, quyền công tố được thực hiện trong tất cả các quá trình giải quyết vi phạm pháp luật, bao gồm TTHS, tố tụng dân sự, tố tụng kinh tế, tố tụng lao động, tố tụng hành chính.

- Quan điểm thứ ba: Quyền công tố là quyền của nhà nước giao cho viện kiểm sát truy tố người phạm tội ra trước tòa án và thực hiện việc buộc tội đó tại phiên tòa [27, tr.86 - 87].

- Quan điểm thứ tư: Quyền công tố là quyền của nhà nước giao cho các cơ quan nhất định khởi tố, điều tra và truy tố người phạm tội ra trước tòa án để xét xử và thực hiện việc buộc tội trước phiên tòa [31, tr.204].

Trên đây là một số quan điểm về quyền công tố. Chúng tôi đồng nhất với quan điểm cho rằng quyền công tố chỉ có thể được xem xét trong mối liên hệ với lĩnh vực pháp luật TTHS, nó luôn gắn liền với việc nhân danh Nhà nước (nhân danh công quyền) chống lại hình thức vi phạm pháp luật nghiêm trọng (tội phạm). Bản chất của hoạt động TTHS là hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng để phát hiện và truy cứu TNHS đối với người phạm tội. Trong hoạt động TTHS luôn tồn tại ba chức năng tố tụng cơ bản đó là chức năng buộc tội; chức năng gỡ tội; chức năng xét xử. Buộc tội là một chức năng tố tụng nhằm truy cứu TNHS đối với người phạm tội. Cơ quan thực hiện chức năng buộc tội có trách nhiệm và có quyền đưa ra lời cáo buộc cụ thể đối với cá nhân cụ thể và có nhiệm vụ đưa ra những tài liệu, chứng cứ cụ thể cho sự buộc tội đó. Với những lập luận trên, chúng tôi đưa ra khái niệm quyền công tố như sau:

Quyền công tố là quyền thuộc về Nhà nước, được Nhà nước giao cho

một cơ quan thực hiện (ở nước ta là VKSND) để phát hiện tội phạm, điều tra, truy tố bị can ra trước Tòa án và bảo vệ sự buộc tội đó trước phiên tòa.

Xuất phát từ quan niệm quyền công tố là quyền nhân danh Nhà nước để phát hiện tội phạm, điều tra, truy tố bị can ra trước Tòa án và bảo vệ sự buộc tội đó trước phiên tòa, nên "thực hành quyền công tố chính là thực hiện các hành vi tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự để truy cứu trách nhiệm hình sự người phạm tội, đưa người phạm tội ra xét xử trước Tòa án và bảo vệ sự buộc tội đó". Tuy nhiên, xuất phát từ những quyền năng pháp lý thuộc nội dung quyền công tố đã được pháp luật quy định, việc sử dụng những quyền năng này để thực hiện việc truy cứu TNHS đối với người phạm tội chính là THQCT. Do vậy, chúng tôi cho rằng: Thực hành quyền công tố là việc sử dụng tổng hợp các quyền năng pháp lý thuộc nội dung quyền công tố để thực hiện việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội trong các giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử. Theo quy định của pháp luật hiện hành, VKS là chủ thể thực hành quyền công tố.

Theo quy định của pháp luật hình sự Việt Nam, tội phạm là những hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến các khách thể được pháp luật hình sự Việt Nam bảo vệ. Theo đó, tội phạm có 04 dấu hiệu cơ bản: là hành vi nguy hiểm cho xã hội; được quy định trong Bộ luật hình sự; phải chịu hình phạt của pháp luật; do người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hay vô ý. Mỗi một tội phạm đều cấu tạo bởi 04 yếu tố cấu thành tội phạm bao gồm: Mặt khách quan của tội phạm, mặt chủ quan của tội phạm, khách thể của tội phạm, chủ thể của tội phạm. Nếu một hành vi nguy hiểm cho xã hội không thoả mãn 04 yếu tố cấu thành tội phạm thì không bị coi là tội phạm và không phải chịu trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, mỗi một tội phạm đều có những dấu hiệu đặc trưng riêng, đây chính là cơ sở để phân biệt tội phạm này với tội phạm khác [29, tr.41- 75].

Điều 20 Hiến pháp 2013 quy định: Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh sự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm... [17, tr.19].

Để đảm bảo thực hiện các nguyên tắc được Hiến pháp ghi nhận, Bộ luật hình sự đã dành một Chương riêng (Chương XII) quy định những hành vi xâm phạm đến quyền sống, quyền được bảo hộ về tính mạng, sức khỏe con người là phạm tội và quy định hình phạt áp dụng đối với người có hành vi phạm tội.

Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác được BLHS quy định tại Điều 104 cụ thể như sau:

Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm:

- a. Dùng hung khí nguy hiểm hoặc dùng thủ đoạn gây nguy hại cho nhiều người.
- b. Gây cố tật nhẹ cho nạn nhân.
- e. Phạm tội nhiều lần đối với cùng một người hoặc đối với nhiều người.
- d. Đối với trẻ em, phụ nữ đang có thai, người già yếu, ốm đau hoặc người khác không có khả năng tự vệ.
- đ. Đối với ông, bà, cha, mẹ, người nuôi dưỡng, thầy giáo, cô giáo của mình.
- e. Có tổ chức.
- g. Trong thời gian đang bị tạm giữ, tạm giam hoặc đang bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục.

h. Thuê gây thương tích hoặc gây thương tích thuê.

i. Có tính chất côn đồ hoặc tái phạm nguy hiểm.

k. Để cản trở người thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân [21, tr.86-87].

Từ những quy định của Bộ luật hình sự chúng ta có thể hiểu hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác như sau:

- Gây thương tích cho người khác: Là hành vi mà người phạm tội dùng sức mạnh vật chất tác động lên thân thể người khác làm cho người đó có những thương tích nhất định (để lại dấu vết). Việc dùng sức mạnh vật chất có thể bằng chân tay hoặc các công cụ phương tiện hỗ trợ như dao, súng, gậy... làm cho nạn nhân mất đi một hay nhiều bộ phận trên thân thể.

- Gây tổn hại cho sức khỏe của người khác: Là hành vi mà người phạm tội dùng sức mạnh vật chất hoặc các thủ đoạn khác tác động lên thân thể người khác làm cho sức khỏe của nạn nhân yếu đi, không còn nguyên vẹn như trước mặc dù không để lại dấu vết trên thân thể họ.

Từ các dấu hiệu pháp lý của tội phạm nói chung và các đặc trưng của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nói riêng, có thể đưa ra khái niệm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác như sau: *Tội phạm cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là loại tội phạm hình sự mà người phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại về sức khỏe của người khác một cách trái pháp luật, đến mức bị coi là tội phạm.*

Từ phân tích trên có thể đưa ra khái niệm thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác như sau:

Thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra tội cố ý gây thương

tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là việc VKS sử dụng tổng hợp các quyền năng pháp lý thuộc nội dung quyền công tố để thực hiện việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe của người khác được thực hiện trong giai đoạn tố tụng trước xét xử sơ thẩm.

1.1.2. Nội dung thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Thực hành quyền công tố là những biện pháp do luật định mà VKS sử dụng để truy cứu TNHS đối với người phạm tội. Những quyền năng pháp lý mà VKS quyết định và liên quan đến buộc tội là những quyền năng thuộc nội dung thực hành quyền công tố.

Theo đó, thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác bao gồm các nội dung sau:

- Yêu cầu khởi tố, hủy bỏ quyết định khởi tố hoặc không khởi tố vụ án trái pháp luật, phê chuẩn, không phê chuẩn quyết định khởi tố bị can về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác của CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra; trực tiếp khởi tố vụ án, khởi tố bị can trong những trường hợp do BLTTHS quy định;

- Quyết định, phê chuẩn việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp hạn chế quyền con người, quyền công dân trong việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong việc khởi tố, điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác;

- Hủy bỏ các quyết định tố tụng trái pháp luật khác trong việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong việc khởi tố, điều tra của CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra;

- Đề ra yêu cầu điều tra khi cần thiết và yêu cầu CQĐT, cơ quan được

giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thực hiện;

- Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan cung cấp tài liệu để làm rõ tội phạm, người phạm tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác;

- Trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố; tiến hành một số hoạt động điều tra để làm rõ căn cứ quyết định việc buộc tội đối với người phạm tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác;

- Quyết định việc áp dụng thủ tục rút gọn;

- Quyết định truy tố, đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án;

- Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của BLTTHS.

1.1.3. Đặc điểm thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Khác với hoạt động của VKS trong tố tụng phi hình sự, hoạt động phi hình sự, hoạt động THQCT trong giai đoạn điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác chỉ tồn tại trong lĩnh vực TTHS, là hoạt động thực hiện quyền truy cứu TNHS đối với người phạm tội, quyết định việc buộc tội và gỡ tội, quyết định các biện pháp ngăn chặn... đối với người phạm tội, quyết định đình chỉ vụ án...

Trong giai đoạn điều tra, VKSND thực hành quyền công tố nhằm tập trung xác định có hay không có hành vi phạm tội đã xảy ra; ai là người thực hiện hành vi phạm tội; tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; hệ thống chứng cứ để chứng minh tội phạm và toàn bộ các tình tiết có liên quan đến việc phạm tội, đến việc làm rõ tội phạm và người phạm tội. Thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra phát sinh khi có quyết định khởi tố vụ án và kết thúc khi VKS quyết định truy tố bị can ra trước Tòa án để

xét xử hoặc khi vụ án được đình chỉ theo quy định của pháp luật TTHS.

Như vậy, THQCT trong giai đoạn điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác có những đặc điểm cơ bản sau:

Một là, trong khi hoạt động điều tra có nhiệm vụ chứng minh toàn bộ sự việc phạm tội một cách khách quan, toàn diện, cả chứng cứ buộc tội và chứng cứ gỡ tội thì hoạt động công tố nhằm thực thi quyền truy cứu TNHS, quyết định việc buộc tội, việc gỡ tội; quyết định hạn chế các quyền công dân như bắt, tạm giữ, tạm giam và các biện pháp ngăn chặn khác; quyết định việc truy tố hoặc đình chỉ vụ án theo quy định pháp luật.

Hai là, dưới góc độ chức năng tố tụng, THQCT trong giai đoạn điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là thực hiện chức năng buộc tội của nhà nước đối với người phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nhằm bảo đảm không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội... ;

Ba là, dưới góc độ chức năng của chủ thể có thẩm quyền tiến hành tố tụng thì THQCT là chức năng mà nhà nước chỉ giao cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng duy nhất là VKS. Các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng khác không có chức năng này.

Bốn là, thực hành quyền công tố có đặc điểm khác với hoạt động kiểm sát điều tra. Tuy cùng một chủ thể tiến hành là VKS nhưng THQCT nhằm vào việc buộc tội, gỡ tội; yêu cầu bắt, giam giữ và áp dụng các biện pháp cưỡng chế khác đối với người phạm tội, còn hoạt động kiểm sát điều tra hướng đến sự tuân thủ pháp luật trong hoạt động điều tra; nếu phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, VKS có quyền kiến nghị, yêu cầu các chủ thể chấm dứt vi phạm, khôi phục lại trật tự pháp luật bị vi phạm.

Năm là, mục đích của hoạt động THQCT tuy vẫn phải thực hiện việc xem xét, đánh giá nhằm gỡ tội đối với người phạm tội nhưng thực hiện quyền

buộc tội vẫn là chủ yếu.

1.2. Đối tượng và phạm vi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

1.2.1. Đối tượng thực hành quyền công tố giai đoạn điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Sức khỏe là vốn quý nhất của con người, mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật đến sức khỏe của con người đều phải bị xử lý nghiêm minh. Tuy nhiên, không phải mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật đến sức khỏe con người đều bị xử lý, mà nó phải đến một định lượng nhất định thì mới bị xử lý hình sự. Còn các hành vi tuy có gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nhưng chưa đủ định lượng thì không thể xử lý bằng chế tài hình sự.

Đối tượng của THQCT nói chung việc truy cứu TNHS người phạm tội và tội phạm. Đối tượng của THQCT trong giai đoạn điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là yếu tố mà quyền công tố tác động tới nhằm thực thi quyền truy cứu TNHS, quyết định việc buộc tội, việc gỡ tội; quyết định hạn chế các quyền công dân như bắt, tạm giữ, tạm giam và các biện pháp ngăn chặn khác; quyết định việc truy tố hoặc đình chỉ vụ án đối với những người có hành vi tác động tới sức khỏe của con người nhằm làm yếu đi một bộ phận cơ thể của người đó.

Trong giai đoạn điều tra cần phải làm sáng tỏ các vấn đề như: Có hành vi phạm tội xảy ra hay không, thời gian, địa điểm và những tình tiết khác của hành vi phạm tội; ai là người thực hiện hành vi phạm tội, có lỗi hay không có lỗi, có năng lực TNHS hay không, mục đích, động cơ phạm tội; những tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng TNHS và những đặc điểm nhân thân; tính chất và mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra. Trong đó, làm rõ hai vấn đề nhằm mục đích xác định có tội phạm hay không có tội phạm, ai là người thực

hiện hành vi phạm tội là đối tượng thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra.

Tuy nhiên, đối với các hành vi gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác quy định tại khoản 1 Điều 104 BLHS thì khi khởi tố VAHS cần phải có đơn yêu cầu của người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của người bị hại là người chưa thành niên, người có nhược điểm về thể chất hoặc tâm thần. Việc khởi tố theo yêu cầu của người bị hại nhằm mục đích đảm bảo quyền của người yêu cầu, vì thương tích có thể không làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe của người đó và nhằm bảo vệ một mối quan hệ nào đó.

1.2.2. Phạm vi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác

Xác định đúng phạm vi thực hành quyền công tố có ý nghĩa quan trọng để nâng cao hiệu quả hoạt động này, nhằm chống bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội.

Trong TTHS nước ta, VKS thực hành quyền công tố ở các giai đoạn tố tụng, bởi vì khi có việc tiến hành tố tụng thì bao giờ cũng gắn với việc buộc tội. Do đó không thể quan niệm thực hành quyền công tố chỉ ở giai đoạn điều tra, xét xử sơ thẩm hoặc xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm hay giám đốc thẩm, VKS cũng có thể bảo vệ quan điểm buộc tội của VKS cấp dưới. Tuy vậy, cũng không nên mở rộng quá phạm vi thực hành quyền công tố đến khi người phạm tội thi hành xong bản án. Bởi vì ở giai đoạn thi hành án không có việc điều tra, thu thập chứng cứ để buộc tội, không có việc áp dụng pháp luật để kết tội [10, tr.30].

Theo Điều 112 BLTTHS, khi tiến hành thực hiện các hoạt động thực hành quyền công tố, bên cạnh thực hiện những hoạt động của giai đoạn điều tra, VKS còn thực hiện những hoạt động của giai đoạn khởi tố (quyết định

khởi tố vụ án), giai đoạn truy tố (quyết định truy tố bị can, tạm đình chỉ, đình chỉ vụ án) [20, tr.72-73]. Theo đó, phạm vi thực hành quyền công tố của VKS trong giai đoạn điều tra bao trùm lên hoạt động khởi tố, điều tra và quyết định việc truy tố. Từ đó cho thấy, phạm vi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra là phạm vi thực hành quyền công tố của giai đoạn trước xét xử sơ thẩm.

1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

Vĩnh Phúc là tỉnh nằm trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng đồng bằng sông Hồng, cửa ngõ Tây Bắc của Thủ đô Hà Nội, phía bắc giáp tỉnh Thái Nguyên và Tuyên Quang, phía tây giáp tỉnh Phú Thọ, phía Đông và phía Nam giáp thủ đô Hà Nội. Là địa bàn nằm liền kề với sân bay quốc tế Nội Bài, có đường quốc lộ 2A, đường sắt Hà Nội - Lào Cai và đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai chạy qua nối liền với các tỉnh vùng núi phía Bắc, Tây Bắc của Tổ quốc. Vì vậy, cùng với những thuận lợi để phát triển kinh tế, Vĩnh Phúc còn là địa bàn có ý nghĩa chiến lược về quốc phòng, an ninh của Quân khu 2 và cả nước.

Diện tích tự nhiên của tỉnh Vĩnh Phúc là 1.236,5 km², có 3 vùng sinh thái: miền núi, trung du và đồng bằng; dân số 1,025 triệu người. Tỉnh Vĩnh Phúc hiện có 09 đơn vị hành chính bao gồm: thành phố Vĩnh Yên, thị xã Phúc Yên và các huyện: Bình Xuyên, Lập Thạch, Sông Lô, Tam Dương, Tam Đảo, Vĩnh Tường, Yên Lạc, với 137 xã, phường, thị trấn.

Kể từ sau khi tái lập tỉnh năm 1997, nền kinh tế của Vĩnh Phúc luôn đạt kết quả cao. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp - dịch vụ; giảm tỷ trọng nông nghiệp. Kết cấu hạ tầng, nhất là giao thông, đô thị phát triển nhanh theo hướng ngày càng hiện đại. Quốc phòng - an ninh được củng cố, đảm bảo ổn định an ninh chính trị, trật

tự an toàn xã hội. Các lĩnh vực văn hóa - xã hội được thực hiện tốt, có hiệu quả, bộ mặt đô thị và nông thôn có nhiều thay đổi, khởi sắc, đời sống nhân dân không ngừng được cải thiện, nâng cao.

Những năm qua, tỉnh Vĩnh Phúc đã đẩy mạnh công tác quy hoạch phát triển các khu đô thị, các khu công nghiệp, đến nay trên địa bàn tỉnh đã có các khu công nghiệp, khu đô thị lớn, tập trung như: khu đô thị Vĩnh Yên, Phúc Yên, Bình Xuyên, khu công nghiệp Khai Quang (thành phố Vĩnh Yên)... Chính sự tăng trưởng kinh tế ngày càng cao và tốc độ phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, đô thị hoá nhanh dẫn đến sự phân hóa giàu nghèo và nạn thất nghiệp tăng nhanh.

Bên cạnh những thuận lợi trong việc phát triển kinh tế - xã hội, những năm gần đây, ngoài các khó khăn chung của cả nước, Vĩnh Phúc còn có những khó khăn riêng đã tác động trực tiếp đến phát triển và tăng trưởng kinh tế của tỉnh, các tiềm ẩn về thiếu tính ổn định của nền kinh tế đã bộc lộ rõ, công tác quản lý Nhà nước còn nhiều bất cập nhất là trong lĩnh vực đền bù giải phóng mặt bằng và tình hình công ăn việc làm của một bộ phận nhân dân bị ảnh hưởng, tệ nạn xã hội theo đó cũng gia tăng, đặc biệt là tình hình vi phạm, tội phạm cũng ngày càng phức tạp, nghiêm trọng. Đó là những yếu tố ảnh hưởng không nhỏ đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan tiến hành tố tụng trong tỉnh.

Trong tình hình các tội phạm xâm phạm sức khỏe của con người đặc biệt là tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác ngày càng gia tăng và chiếm tỷ lệ cao, Viện KSND tỉnh Vĩnh Phúc đã đề ra các biện pháp để tăng cường trách nhiệm công tố, thực hành quyền công tố như: tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với điều tra nhằm chống oan sai và bỏ lọt tội phạm. Tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn nghiệp vụ đối với cấp dưới.

Hiện nay, VKS Vĩnh Phúc có 9 VKSND cấp huyện và 01 VKSND tỉnh. Tại VKSND tỉnh có 11 phòng nghiệp vụ và 9 VKSND cấp huyện đều có nhiệm vụ THQCT theo quy định của Luật TTHS. Đội ngũ có chức danh tư pháp hiện nay ở cấp tỉnh mỗi phòng nghiệp vụ về án hình sự nhiều nhất cũng chỉ có 3 Kiểm sát viên trung cấp, VKS cấp huyện thì cao nhất cũng chỉ có 5 Kiểm sát viên sơ cấp và 1 Kiểm sát viên trung cấp. Tổng số KSV thực hành quyền công tố 2 cấp của VKSND tỉnh Vĩnh Phúc mới có từ 35 – 40 KSV. Với tình hình tội phạm diễn ra trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc hiện nay thì số lượng KSV như vậy chưa đáp ứng với yêu cầu hiện tại. Vì vậy, phải tăng cường về biên chế cán bộ, chức danh tư pháp cho các đơn vị trong tỉnh ít nhất mỗi đơn vị cấp huyện phải có từ 7 – 9 KSV làm công tác thực hành quyền công tố; cấp tỉnh mỗi phòng nghiệp vụ về án hình sự phải có từ 6 – 8 KSV, có như vậy mới bảo đảm đủ cán bộ có chức danh tư pháp thực hành quyền công tố, đồng thời thường xuyên rèn luyện đội ngũ cán bộ trong ngành kiểm sát vững về chính trị, giỏi về nghiệp vụ, tinh thông về pháp luật, công tâm và bản lĩnh, kỷ cương và trách nhiệm.

Các yếu tố chủ quan

- Năng lực, trình độ của một số KSV còn hạn chế khi được giao nhiệm vụ thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra vụ án. Do đó, trong quá trình thực hành quyền công tố đối với vụ án còn lúng túng, chưa bám sát được tiến độ điều tra, không kịp thời phát hiện những vi phạm để hủy bỏ các quyết định không có căn cứ của CQĐT.

- Tinh thần trách nhiệm của một số ít KSV được phân công thực hành quyền công tố trong vụ án chưa cao, có trường hợp KSV không bám sát tiến độ điều tra dẫn đến vụ án phải điều tra kéo dài.

- Một số đơn vị VKS cấp huyện phân công KSV thực hành quyền công tố trong vụ án chưa phù hợp với trình độ, năng lực và kinh nghiệm; Lãnh đạo Viện

trực tiếp chỉ đạo giải quyết án chưa sâu sát hoạt động của KSV kiểm sát điều tra, thiếu kiểm tra tiến độ nên hiệu quả chỉ đạo còn hạn chế và không kịp thời.

Các yếu tố khách quan

- Tính chất thủ đoạn phạm tội ngày càng tinh vi, quy mô phạm tội mở rộng, có nhiều bị can tham gia và hành vi phạm tội xảy ra ở nhiều địa phương, gây khó khăn cho công tác thực hành quyền công tố của KSV.

- Quan điểm đánh giá về chứng cứ, tội danh, đường lối xử lý còn thiếu thống nhất giữa những người tiến hành tố tụng và giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, nhất là đối với các vụ án phức tạp.

- Quy định của pháp luật hình sự và TTHS còn nhiều vấn đề bất cập so với thực tiễn yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm nhưng chưa được sửa đổi, bổ sung kịp thời; công tác hướng dẫn, giải thích pháp luật của cơ quan có thẩm quyền chưa được thực hiện thường xuyên và đồng bộ, dẫn đến việc áp dụng pháp luật thiếu thống nhất.

Kết luận chương 1

Trên cơ sở nghiên cứu và phân tích các quan điểm khác nhau về THQCT, làm rõ khái niệm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, luận văn đã xây dựng khái niệm thực hành quyền công tố đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Theo đó, thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là việc VKS sử dụng tổng hợp các quyền năng pháp lý thuộc nội dung quyền công tố để thực hiện việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe của người khác được thực hiện trong giai đoạn tố tụng trước xét xử sơ thẩm, nhằm đảm bảo mọi hành vi

phạm tội, người phạm tội phải được phát hiện, khởi tố điều tra kịp thời, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không làm oan người vô tội, không để lọt tội phạm và người phạm tội; không để người nào bị khởi tố, bị bắt, tạm giữ, tạm giam, bị hạn chế quyền con người, quyền công dân trái luật.

Phạm vi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra là phạm vi thực hành quyền công tố của giai đoạn trước xét xử sơ thẩm.

Thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác có nội dung và đặc điểm khác với kiểm sát hoạt động tư pháp và chỉ được thực hiện trong việc giải quyết VAHS.

Chương 2

THỰC TRẠNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA TỘI CÓ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỔN HẠI CHO SỨC KHOẺ CỦA NGƯỜI KHÁC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH PHÚC

2.1. Thực trạng qui định của Luật tố tụng hình sự hiện hành về thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

2.1.1. Những qui định về hoạt động khởi động công tố trong giai đoạn điều tra

2.1.1.1. Qui định về khởi tố vụ án hình sự

Khởi tố VAHS là việc Nhà nước chính thức công khai trước toàn xã hội có tội phạm xảy ra và bắt đầu triển khai các hoạt động thực hành quyền truy cứu TNHS đối với người đã thực hiện tội phạm đó, xác định có hay không có dấu hiệu tội phạm để ra quyết định khởi tố hoặc quyết định không khởi tố vụ án. Điều 104 BLTTHS quy định các trường hợp VKS ra quyết định khởi tố VAHS:

- Khi thấy quyết định không khởi tố vụ án của CQĐT, cơ quan khác của Công an nhân dân, Quân đội nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, lực lượng Cảnh sát biên, đơn vị Bộ đội biên phòng, cơ quan Hải quan và cơ quan Kiểm lâm không có căn cứ thì VKS hủy bỏ quyết định đó và ra quyết định khởi tố vụ án.

- Khi Hội đồng xét xử yêu cầu VKS khởi tố vụ án.

Về căn cứ để VKS khởi tố vụ án, Điều 100 BLTTHS quy định khả năng duy nhất cho phép khởi tố vụ án là khi đã xác định có dấu hiệu tội phạm. Dấu hiệu tội phạm chính là những tài liệu ban đầu về sự kiện phạm tội nói

chung, chưa phải tài liệu về người phạm tội cụ thể nào và thực tế cho thấy có những trường hợp lúc đầu mới chỉ biết những thông tin về sự kiện nhưng khi kiểm tra thì sự kiện đó không đủ dấu hiệu tội phạm. Điều luật quy định căn cứ để khởi tố vụ án mà chưa nói đến khởi tố bị can, bởi vì những dấu hiệu ban đầu đó chỉ mới cho phép xác định có tội phạm xảy ra, còn ai là người phạm tội thì cần phải tiến hành các hoạt động TTTH khác sau khi khởi tố mới xác định được. Vì thế, khi đã xác định có dấu hiệu tội phạm thì phải khởi tố VAHS ngay để làm cơ sở cho các hoạt động điều tra, không được đợi đến khi phát hiện ra người phạm tội mới quyết định khởi tố VAHS. Có dấu hiệu tội phạm chính là căn cứ cần và đủ để khởi tố VAHS. Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi ra quyết định khởi tố VAHS, VKS phải gửi quyết định đó đến CQĐT để tiến hành điều tra.

Bên cạnh đó, luật TTTH cũng quy định: khi nhận được tin báo, tố giác về tội phạm, VKS phải chuyển ngay những tin báo, tố giác đó cho CQĐT có thẩm quyền (Điều 101 BLTTTHS) để kiểm tra, xác minh có sự việc phạm tội xảy ra hay không? nếu có thì phải xem sự việc đó có hay không có dấu hiệu tội phạm? Nếu có dấu hiệu tội phạm, CQĐT phải ra quyết định khởi tố vụ án.

Đồng thời với việc ra quyết định khởi tố vụ án, VKS còn có quyền ra quyết định không khởi tố VAHS nếu yêu cầu khởi tố vụ án của Hội đồng xét xử không có căn cứ. Điều 107 BLTTTHS quy định các căn cứ không được khởi tố VAHS, do vậy VKS sẽ ra quyết định không khởi tố vụ án khi có một trong các căn cứ sau:

- Không có sự việc phạm tội. Sự việc phạm tội là sự việc do hành vi nguy hiểm cho xã hội gây ra. VKS dựa vào những nguồn tin: sự tố giác của công dân; tin báo của cơ quan, tổ chức; tin báo trên các phương tiện thông tin đại chúng và VKS trực tiếp phát hiện dấu hiệu của tội phạm hoặc người phạm tội tự thú mà biết được có hay không có sự việc phạm tội xảy ra. Khi xác định

không có sự việc phạm tội thì VKS không được khởi tố VAHS.

- Hành vi không cấu thành tội phạm. Trường hợp này được hiểu là đã có hành vi nguy hiểm cho xã hội xảy ra, nhưng hành vi đó không cấu thành tội phạm cụ thể nào quy định trong BLHS. Khi mà hành vi hoặc không có lỗi, hoặc gây thiệt hại, đe dọa gây thiệt hại cho xã hội không đáng kể; hoặc hành vi được thực hiện không phải bởi những chủ thể mà BLHS quy định có thể là chủ thể của tội phạm đó, hoặc đã có những tình tiết loại trừ tính chất tội phạm của hành vi đó (sự kiện bất ngờ, phòng vệ chính đáng, tình thế cấp thiết...), thì có căn cứ để không khởi tố vụ án.

- Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội chưa đến tuổi chịu TNHS. Tuổi chịu TNHS của một người là căn cứ quan trọng để khởi tố về hình sự và truy cứu TNHS đối với người đó. Điều 12 BLHS quy định: “*Người từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu TNHS về những tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng*”. Theo quy định trên, chưa đến tuổi chịu TNHS được hiểu chính xác là chưa đến tuổi chịu TNHS đối với những loại tội phạm cụ thể. Nghĩa là, người chưa đủ 14 tuổi, khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội không phải chịu TNHS. Người đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi, nếu thực hiện hành vi về tội ít nghiêm trọng, tội nghiêm trọng hoặc tội rất nghiêm trọng do vô ý cũng không phải chịu TNHS. Trong những trường hợp này, VKS không được khởi tố vụ án để truy cứu TNHS những người chưa đến tuổi chịu TNHS.

- Những người mà hành vi phạm tội của họ đã có bản án hoặc quyết định đình chỉ vụ án đã có hiệu lực pháp luật. Khi hành vi của một người đã được Tòa án nhân dân Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phán quyết và bản án đó đã có hiệu lực pháp luật, thì cũng có nghĩa là công lý về vấn đề đã được xác lập. Quyết định đình chỉ vụ án là quyết định chấm dứt việc tiến hành tố tụng đối với VAHS. Như vậy, vụ án đã có bản án hoặc quyết

định đình chỉ vụ án đã có hiệu lực pháp luật thì VKS không được khởi tố VAHS.

- Đã hết thời hiệu truy cứu TNHS. Thời hiệu truy cứu TNHS là thời hạn luật quy định kể từ ngày xảy ra tội phạm mà khi hết thời hạn đó người phạm tội không thể bị truy cứu TNHS nữa. Nếu trong thời gian ấy, người phạm tội không phạm tội mới thì chứng tỏ họ đã hồi lỗi hoặc không còn nguy hiểm cho xã hội nữa. Khi đó, VKS sẽ không khởi tố vụ án nữa. Cần lưu ý, BLHS quy định không áp dụng thời hiệu truy cứu TNHS đối với các tội xâm phạm an ninh quốc gia, phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh. Do vậy, căn cứ không khởi tố VAHS vì “*đã hết thời hiệu truy cứu TNHS*” không áp dụng đối với các tội trên.

- Tội phạm được đại xá. Đại xá đối với những tội phạm nhất định là quyết định của cơ quan quyền lực cao nhất. Văn bản đại xá chỉ có hiệu lực đối với những hành vi phạm tội được nêu trong văn bản và đã xảy ra trước khi văn bản đại xá được ban hành. Đối với những tội phạm được đại xá thì VKS không được khởi tố vụ án.

- Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đã chết, trừ trường hợp cần tái thẩm đối với người khác. Hình phạt được áp dụng đối với người phạm tội nhằm trừng trị và giáo dục, cải tạo họ. Nhưng trường hợp, sau khi thực hiện tội phạm, vì một lý do nào đó mà người phạm tội chết thì việc truy cứu TNHS để áp dụng hình phạt đối với họ sẽ không mang lại ý nghĩa nào hết. Vì thế, khi người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đã chết, trừ trường hợp cần tái thẩm đối với người khác, thì có căn cứ không khởi tố VAHS, bởi việc khởi tố không cần thiết nữa.

Trên đây là bảy căn cứ không được khởi tố VAHS. Những căn cứ đó là độc lập và chỉ cần có một trong bảy căn cứ đó, VKS phải ra quyết định không khởi tố VAHS.

Vai trò của VKS trong việc khởi tố vụ án là quan trọng. Theo quy định tại khoản 3 Điều 104 BLTTHS, mọi quyết định khởi tố VAHS của các cơ quan có thẩm quyền khởi tố chỉ thực sự có giá trị sau khi đã được VKS xem xét, quyết định việc điều tra hay kiểm sát khởi tố. Điều đó có nghĩa là, xét đến cùng việc khởi tố hay không khởi tố vụ án là do cơ quan thực hành quyền công tố (VKS) quyết định.

2.1.1.2. Quy định về khởi tố bị can

Khởi tố bị can là việc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chính thức tuyên bố về mặt pháp lý một người nào đó có dấu hiệu phạm tội và đang bị truy cứu TNHS. Đây chính thức là sự buộc tội đầu tiên đối với một người cụ thể.

Bộ luật tố tụng hình sự phân định rõ ràng, cụ thể trách nhiệm khởi tố bị can giữa CQĐT và VKS. Trách nhiệm khởi tố bị can chủ yếu thuộc về CQĐT. VKS chỉ ra quyết định khởi tố bị can sau khi nhận hồ sơ và bản kết luận điều tra mà phát hiện có người khác đã thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án chưa bị khởi tố. Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi ra quyết định khởi tố bị can, VKS phải gửi cho CQĐT để tiến hành điều tra (khoản 5 Điều 126 BLTTHS).

Cần chú ý, đối với một người tuy chưa thực hiện các hành vi khách quan của một tội phạm cụ thể, nhưng đang hoặc đã tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện hoặc tạo ra những điều kiện khác để thực hiện một tội rất nghiêm trọng hoặc một tội đặc biệt nghiêm trọng (giai đoạn chuẩn bị phạm tội) thì vẫn có thể bị khởi tố, vì theo quy định tại Điều 17 BLHS “*Người chuẩn bị phạm một tội rất nghiêm trọng hoặc một tội đặc biệt nghiêm trọng, thì phải chịu trách nhiệm hình sự về tội định thực hiện*”.

2.1.1.3. Quy định về yêu cầu Cơ quan điều tra khởi tố hoặc thay đổi quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can

Viện kiểm sát yêu cầu CQĐT khởi tố VAHS khi nhận được kiến nghị

khởi tố hình sự của Cơ quan thanh tra Nhà nước và khi vụ án đang được điều tra, nếu phát hiện người phạm tội chưa bị khởi tố. Pháp luật quy định cho VKS quyền hạn (và nhiệm vụ) yêu cầu CQĐT khởi tố nhằm tăng cường vai trò của VKS và tránh tình trạng vi phạm pháp luật trong việc khởi tố vụ án và khởi tố bị can.

Viện kiểm sát yêu cầu CQĐT thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố VAHS nếu trong quá trình tiến hành điều tra hoặc khi đã kết thúc điều tra, nếu có căn cứ xác định tội phạm đã khởi tố không đúng với hành vi phạm tội xảy ra hoặc còn có tội phạm khác. Nếu CQĐT không thực hiện thì VKS trực tiếp ra quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố VAHS theo quy định tại Điều 106 BLTTHS.

Thông tư liên tịch số 05/2005/TTLT - VKSTC - BCA - BQP về quan hệ phối hợp giữa CQĐT và VKS trong việc thực hiện một số quy định của BLTTHS năm 2003 (TTLT số 05) hướng dẫn: chỉ thay đổi quyết định khởi tố vụ án trong trường hợp thay đổi tội danh. Không áp dụng việc thay đổi quyết định khởi tố vụ án nếu qua điều tra xác định được hành vi của bị can phạm vào tội nặng hơn hoặc nhẹ hơn trong cùng tội danh đã khởi tố. Ví dụ: Quyết định khởi tố vụ án cố ý gây thương tích theo khoản 1 Điều 104 BLHS (tội phạm ít nghiêm trọng), qua điều tra xác định được hành vi gây thương tích của bị can phạm vào khoản 2 Điều 104 của BLHS (tội phạm nghiêm trọng) thì không phải ra quyết định thay đổi quyết định khởi tố VAHS đó, chỉ trong trường hợp thay đổi tội danh thì VKS mới yêu cầu CQĐT thay đổi quyết định khởi tố VAHS.

Về việc yêu cầu thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can: Trong quá trình điều tra VAHS, khi có căn cứ xác định còn có người khác thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án, nhưng CQĐT không khởi tố hoặc hành vi phạm tội của bị can không phạm vào tội đã bị khởi tố thì VKS yêu cầu CQĐT ra

quyết định khởi tố bị can, thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can. Nếu đã có yêu cầu mà CQĐT không thực hiện thì VKS sẽ trực tiếp ra quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can và gửi cho CQĐT để tiến hành điều tra.

Theo hướng dẫn tại TTLT số 05 khi yêu cầu CQĐT thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can, VKS cần chú ý: trường hợp thay đổi quyết định khởi tố bị can thì phải ra quyết định thay đổi quyết định khởi tố VAHS. Ví dụ: thay đổi quyết định khởi tố bị can từ giết người sang tội cố ý gây thương tích, thì phải thay đổi quyết định khởi tố vụ án về tội Giết người sang tội cố ý gây thương tích. Cần lưu ý là không thay đổi quyết định khởi tố bị can trong trường hợp điều tra xác minh được hành vi của bị can phạm vào tội nặng hơn hoặc nhẹ hơn trong cùng tội danh đã khởi tố đối với bị can.

Bên cạnh đó, cần chú ý trường hợp: nếu bị can còn có hành vi phạm tội khác mà hành vi đó chưa được khởi tố vụ án thì phải ra quyết định khởi tố vụ án trước khi ra quyết định khởi tố bị can. Nếu trong quá trình điều tra mà xác định được bị can thực hiện hành vi phạm tội này là để thực hiện hành vi phạm tội khác thì ra quyết định bổ sung quyết định khởi tố VAHS và ra quyết định bổ sung quyết định khởi tố bị can. Ví dụ: Nguyễn Văn A là bị can trong vụ cố ý gây thương tích nhưng qua điều tra cho thấy A thực hiện hành vi gây thương tích cho nạn nhân là nhằm cướp tài sản thì phải ra quyết định bổ sung quyết định khởi tố vụ án, đồng thời ra quyết định bổ sung quyết định khởi tố bị can đối với A về tội cướp tài sản.

2.1.2 Những qui định về hoạt động duy trì công tố trong giai đoạn điều tra.

Hoạt động duy trì công tố của VKS trong giai đoạn điều tra bao gồm những nội dung sau:

2.1.2.1. Đề ra yêu cầu điều tra và yêu cầu cơ quan điều tra tiến hành điều tra; trực tiếp tiến hành điều tra khi cần thiết

Để đảm bảo thực hành quyền công tố có hiệu quả, pháp luật quy định VKS có quyền đề ra yêu cầu điều tra. Đó là yêu cầu về những vấn đề cần điều tra làm rõ, tài liệu chứng cứ cần phải thu thập, được hiểu là mệnh lệnh của cơ quan công tố đối với CQĐT trong quá trình điều tra. Ngay sau khi vụ án được khởi tố, VKS có thể đề ra yêu cầu điều tra cho CQĐT để xác định chứng cứ về hành vi phạm tội của bị can hay mở rộng điều tra vụ án. CQĐT có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu này của VKS.

Nhằm bảo đảm cho VKS thực hiện tốt chức năng thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra, bảo đảm khả năng thực tế cho VKS có thể nắm được toàn bộ quá trình điều tra một cách cụ thể, kịp thời kiểm tra, củng cố chứng cứ phục vụ cho việc thực hiện chức năng của mình trong quá trình điều tra, luật TTHS đã tăng cường vai trò của VKS trong từng hoạt động điều tra cụ thể. Các hoạt động điều tra mà luật quy định cho VKS trực tiếp tiến hành khi cần thiết quy định được thực hiện như sau:

Khi có yêu cầu của CQĐT hoặc qua kiểm sát việc hỏi cung phát hiện thấy bị can kê oan, lời khai của bị can trước sau không thống nhất; bị can có khiếu nại về việc điều tra; có căn cứ để nghi ngờ về tính xác thực của lời khai bị can; trường hợp bị can bị khởi tố về tội đặc biệt nghiêm trọng thì VKS có thể trực tiếp gặp, hỏi cung bị can. Sau khi nhận hồ sơ vụ án, nếu có nghi ngờ về tài liệu, chứng cứ; các chứng cứ quan trọng của vụ án có mâu thuẫn; trường hợp vụ án đặc biệt nghiêm trọng, có nhiều tình tiết phức tạp khó thống nhất về tính chất vụ án hoặc để củng cố tài liệu chứng cứ phục vụ cho việc truy tố, thì VKS có thể trực tiếp hỏi cung bị can. KSV khi hỏi cung bị can thì phải thực hiện theo đúng quy định tại các Điều 131 và Điều 132 BLTTHS.

Để bảo đảm việc xét phê chuẩn các quyết định của CQĐT được chính

xác, KSV có thể triệu tập và lấy lời khai người làm chứng, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Nếu thấy có mâu thuẫn trong lời khai của bị can, người bị hại, người làm chứng, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án thì KSV phải yêu cầu ĐTV tiến hành đối chất.

Kiểm sát viên chỉ tiến hành đối chất trong trường hợp có yêu cầu của CQĐT hoặc thấy việc đối chất của ĐTV chưa làm rõ được mâu thuẫn. Khi cần phải đối chất KSV phải thông báo trước với ĐTV và thực hiện việc đối chất theo đúng quy định tại Điều 138 BLTTHS.

Trong quá trình điều tra, nếu thấy cần thực hiện điều tra để kiểm tra mâu thuẫn giữa lời khai của bị can, của những người tham gia tố tụng khác với thực tế khách quan thì VKS yêu cầu để CQĐT tiến hành thực nghiệm điều tra.

Sau khi nhận hồ sơ vụ án do CQĐT chuyển đến, xét thấy cần thực nghiệm những tình huống điều tra đơn giản, mà qua thực nghiệm tại chỗ, có thể kết luận được để kiểm tra chứng cứ, không phải trả hồ sơ cho CQĐT thì VKS trực tiếp tiến hành. Việc thực nghiệm điều tra của VKS phải có người chứng kiến và lập biên bản theo đúng quy định tại Điều 95 BLTTHS. Trường hợp cần dựng lại hiện trường hoặc thực nghiệm điều tra tại hiện trường thì trả hồ sơ và nêu rõ yêu cầu để CQĐT tiến hành.

Viện kiểm sát ra quyết định trả hồ sơ cho CQĐT để điều tra bổ sung khi nghiên cứu hồ sơ vụ án phát hiện thấy:

- Còn thiếu những chứng cứ quan trọng đối với vụ án mà VKS không thể tự mình bổ sung được;
- Có căn cứ để khởi tố bị can về một tội phạm khác hoặc có người đồng phạm khác;
- Có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

2.1.2.2. Yêu cầu Thủ trưởng Cơ quan điều tra thay đổi Điều tra viên

Khi tiến hành hoạt động TTHS, ĐTV đóng vai trò rất quan trọng trong việc xác định sự thật của vụ án, làm rõ những chứng cứ xác định bị can có tội hoặc không có tội, những tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ TNHS của bị can. Do đó, khi phát hiện thấy ĐTV thuộc một trong những trường hợp bị thay đổi hoặc phải từ chối tiến hành tố tụng, KSV có quyền đề nghị Thủ trưởng CQĐT xem xét để thay đổi ĐTV hoặc đề nghị Viện trưởng VKS cấp mình xem xét để yêu cầu Thủ trưởng CQĐT thay đổi ĐTV. Trong thời hạn ba ngày, kể từ khi nhận được đề nghị của KSV hoặc văn bản yêu cầu của Viện trưởng VKS cùng cấp, nếu xét thấy có căn cứ thì Thủ trưởng CQĐT phải ra quyết định thay đổi ĐTV; nếu thấy không có căn cứ thì thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do để VKS cùng cấp biết.

Điều 44 BLTTHS quy định các trường hợp ĐTV phải từ chối tiến hành tố tụng hoặc bị thay đổi. Dựa vào các quy định của điều luật này, VKS yêu cầu Thủ trưởng CQĐT thay đổi ĐTV. Đó là các trường hợp:

- Điều tra viên đồng thời là người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; là người đại diện hợp pháp, người thân thích của những người đó hoặc của bị can, bị cáo.

Người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Những người này và người đại diện hợp pháp, người thân thích của họ hoặc của bị cáo không thể vô tư trong khi tiến hành tố tụng, xem xét giải quyết những vấn đề có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của chính mình, của người thân hoặc của người mà mình đại diện. Vì vậy, họ không thể đồng thời là ĐTV trong cùng một vụ án.

- Điều tra viên đã tham gia với tư cách là người bào chữa, người làm chứng, người giám định, người phiên dịch trong vụ án đó.

Người bào chữa thực hiện chức năng gỡ tội trong TTHS, khi tham gia tố tụng họ có trách nhiệm đưa ra những chứng cứ gỡ tội để bào chữa cho người bị tạm giữ, bị can, bị cáo. Trong khi đó, trách nhiệm của ĐTV là phải xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, không bị coi nhẹ mặt nào, buộc tội cũng như gỡ tội. Vì vậy, trong trường hợp này ĐTV phải bị thay đổi.

Người làm chứng, người giám định là người tham gia tố tụng, có nghĩa vụ cung cấp những chứng cứ cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Những người này không thể đồng thời là ĐTV trong cùng một vụ án, vì lúc đó họ vừa là người cung cấp chứng cứ, vừa là người thu thập, kiểm tra, đánh giá những chứng cứ đó, như vậy sẽ không đảm bảo sự khách quan trong quá trình chứng minh để giải quyết vụ án.

Người phiên dịch tham gia trong vụ án có người tham gia tố tụng không biết tiếng Việt. Sự giao tiếp trong quá trình giải quyết vụ án và việc xác định sự thật của vụ án phụ thuộc một phần vào người phiên dịch. Vì vậy, ĐTV không đồng thời là người phiên dịch để đảm bảo sự khách quan trong khi làm nhiệm vụ.

- Điều tra viên đã tiến hành tố tụng trong vụ án đó với tư cách là KSV, Thẩm phán, Hội thẩm hoặc Thư ký Tòa án. Khi đã tiến hành giải quyết vụ án đó với tư cách khác họ đã có những ý kiến đánh giá, những quan điểm, những kết luận cá nhân... thể hiện sự nhận thức và thái độ của mình đối với vụ án, họ không thể đảm bảo sự vô tư khi tiến hành điều tra vụ án. Vì vậy, trong trường hợp này, VKS sẽ yêu cầu thay đổi ĐTV.

- Ngoài những trường hợp trên, ĐTV còn bị thay đổi nếu có căn cứ rõ ràng khác để có thể cho rằng họ có thể không vô tư trong khi làm nhiệm vụ như: có căn cứ rõ ràng để cho rằng họ bị mua chuộc, bị đe dọa hoặc có những quan hệ ràng buộc khác với những người tham gia tố tụng...

Bên cạnh việc yêu cầu Thủ trưởng CQĐT thay đổi ĐTV, nếu hành vi của ĐTV bị thay đổi có dấu hiệu tội phạm thì VKS sẽ khởi tố về hình sự. Tuy nhiên, Điều 112 BLTTHS không quy định rõ VKS có thẩm quyền khởi tố VAHS hay khởi tố bị can?

2.1.2.3. Quyết định áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn

Viện kiểm sát ra quyết định bắt bị can để tạm giam trong hai trường hợp sau:

- Người đó phạm tội rất nghiêm trọng hoặc phạm tội đặc biệt nghiêm trọng. Đây là trường hợp bị can phạm tội mà theo quy định của BLHS, mức cao nhất của khung hình phạt áp dụng đối với tội ấy là đến 15 năm tù (tội phạm rất nghiêm trọng) hoặc phạm tội mà mức cao nhất của khung hình phạt là trên 15 năm tù, tù chung thân hoặc tử hình (tội phạm đặc biệt nghiêm trọng).

- Người đó phạm tội nghiêm trọng hoặc phạm tội ít nghiêm trọng mà BLHS quy định hình phạt tù trên hai năm và có căn cứ để cho rằng người đó sẽ trốn hoặc cản trở việc điều tra, truy tố hoặc có thể tiếp tục phạm tội. Trong một điều luật có nhiều khoản thì phạm tội thuộc khoản có mức hình phạt trên hai năm tù có thể tạm giam, phạm tội thuộc khoản có mức phạt tù từ hai năm trở xuống thì không được tạm giam.

Tạm giam là biện pháp ngăn chặn nghiêm khắc nhất trong các biện pháp ngăn chặn của TTHS. Người bị áp dụng biện pháp tạm giam bị cách ly với xã hội trong một thời gian nhất định, bị hạn chế một số quyền của công dân. Do đó, đối với bị can là phụ nữ có thai hoặc đang thời kỳ nuôi con dưới 36 tháng, là người già yếu, người bị mắc bệnh nặng có nơi cư trú rõ ràng thì không tạm giam mà phải áp dụng biện pháp ngăn chặn khác, trừ trường hợp: Bị can bỏ trốn và bị bắt theo lệnh truy nã; bị can được áp dụng biện pháp ngăn chặn khác nhưng lại tiếp tục phạm tội hoặc cố ý gây cản trở nghiêm trọng đến việc điều tra; bị can phạm tội xâm phạm an ninh quốc gia và có đủ

căn cứ cho rằng nếu không tạm giam đối với họ thì sẽ gây nguy hại cho an ninh quốc gia.

Đối với việc tạm giữ, VKS không trực tiếp ra quyết định tạm giữ mà chỉ phê chuẩn quyết định tạm giữ của những người có thẩm quyền. VKS sẽ ra quyết định hủy bỏ quyết định tạm giữ nếu: người bị tạm giữ không phải là người bị bắt trong trường hợp khẩn cấp hoặc phạm tội quả tang; người bị tạm giữ chỉ có những vi phạm nhỏ, tính chất nguy hiểm cho xã hội không đáng kể, chưa đến mức phải truy cứu TNHS...

Các biện pháp ngăn chặn khác:

- Cấm đi khỏi nơi cư trú: khi VKS ra quyết định áp dụng biện pháp này, thì bị can không được đi khỏi nơi cư trú của mình và phải có mặt theo giấy triệu tập. Đối tượng áp dụng biện pháp này thường là bị can phạm tội ít nghiêm trọng, lần đầu, có nơi cư trú rõ ràng, thái độ khai báo thành khẩn và có đủ cơ sở cho rằng họ sẽ không bỏ trốn, gây cản trở cho việc điều tra hoặc tiếp tục phạm tội. Trong thời gian bị cấm đi khỏi nơi cư trú bị can phải chịu sự quản lý, giám sát về việc đi lại của chính quyền xã, phường hoặc thị trấn nơi mình cư trú. Trường hợp bị can cần phải tạm đi khỏi nơi cư trú thì phải được phép của VKS. Nếu bị can vi phạm cam đoan sẽ bị áp dụng biện pháp ngăn chặn khác.

- Bảo lãnh: khi có cá nhân hoặc tổ chức làm giấy cam đoan không để bị can tiếp tục phạm tội và bảo đảm sự có mặt của bị can theo giấy triệu tập, thì VKS ra quyết định cho cá nhân, tổ chức đó bảo lãnh bị can. Đối tượng áp dụng biện pháp này thường là bị can phạm tội lần đầu, tính chất ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng, thái độ khai báo thành khẩn hoặc bị can ốm đau, có cá nhân hoặc tổ chức nhận bảo lãnh.

- Đặt tiền hoặc tài sản để bảo đảm: Viện kiểm sát áp dụng biện pháp này nhằm đảm bảo sự có mặt của bị can theo giấy triệu tập. Đối tượng áp

dụng biện pháp này là bị can phạm tội ít nghiêm trọng và có đủ căn cứ, cơ sở để cho rằng họ không bỏ trốn.

Thay đổi biện pháp ngăn chặn là việc áp dụng một biện pháp ngăn chặn khác thay cho biện pháp ngăn chặn đang được áp dụng. Khi quyết định thay thế biện pháp ngăn chặn VKS phải căn cứ vào yêu cầu của việc giải quyết vụ án, thái độ chấp hành của bị can để có thể thay thế biện pháp ngăn chặn đang được áp dụng bằng biện pháp ngăn chặn khác ít nghiêm khắc hơn hoặc nghiêm khắc hơn.

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn là việc quyết định không tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn. VKS ra quyết định hủy bỏ biện pháp ngăn chặn trong những trường hợp sau:

- Khi vụ án bị đình chỉ.
- Khi thấy không còn cần thiết.

Pháp luật quy định CQĐT có quyền ra các quyết định bắt, tạm giữ, tạm giam hoặc áp dụng các biện pháp ngăn chặn khác nhằm phục vụ cho việc điều tra, thu thập tài liệu chứng cứ, ngăn chặn người phạm tội tiếp tục phạm tội hoặc tiêu hủy chứng cứ. Nhưng đối với các biện pháp ngăn chặn trực tiếp làm hạn chế quyền tự do của công dân như bắt khẩn cấp, bắt tạm giam, gia hạn tạm giữ, tạm giam phải được VKS phê chuẩn. Nếu VKS thấy không có căn cứ hợp pháp và không phê chuẩn thì các biện pháp ngăn chặn đó bị hủy bỏ, người bị hạn chế quyền tự do phải được trả tự do ngay. Những quy định trên nhằm nâng cao trách nhiệm của VKS trong việc bảo đảm quyền tự do của công dân, đồng thời bảo đảm cho VKS thực hiện tốt chức năng của mình.

2.1.2.4. Yêu cầu Cơ quan điều tra truy nã bị can

Truy nã bị can là một hoạt động của CQĐT nhằm tìm kiếm để xác định bị can đang ở đâu và bắt giữ những bị can đang lẩn trốn, phục vụ cho việc điều tra, xử lý tội phạm. Điều 161 BLTTHS quy định hai trường hợp, theo đó

KSV sẽ yêu cầu CQĐT truy nã bị can.

Trường hợp thứ nhất: khi bị can bỏ trốn. Điều luật không nói rõ bị can bỏ trốn trong hoàn cảnh nào. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy, có thể có các tình huống: người phạm tội đã bỏ trốn trước khi khởi tố bị can; người đó trốn ngay sau khi bị khởi tố về hình sự trước khi CQĐT tổng đạt quyết định khởi tố hình sự đối với người đó hoặc trước khi bị bắt (trong trường hợp phải áp dụng biện pháp ngăn chặn này); có thể người bị khởi tố bỏ trốn khỏi nơi tạm giam, tạm giữ.

Trường hợp thứ hai: khi không biết bị can đang ở đâu. Có thể tại thời điểm đó, người bị khởi tố không có thông tin về việc bị khởi tố về hình sự. Có thể, người bị khởi tố đã nhận được thông tin về việc bị khởi tố nhưng chưa nhận được quyết định của CQĐT hoặc các thông tin chính thức khác về sự cần thiết phải xuất hiện trước CQĐT và không có ý định bỏ trốn. Mặc dù vậy CQĐT không biết được người bị khởi tố đang ở đâu, vì vậy mà VKS yêu cầu CQĐT truy nã bị can.

2.1.2.5. Phê chuẩn, không phê chuẩn hoặc hủy bỏ các quyết định của Cơ quan điều tra

Khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra, VKS ra quyết định phê chuẩn hoặc không phê chuẩn các quyết định của CQĐT như quyết định khởi tố bị can, quyết định bắt bị can để tạm giam, quyết định tạm giam, gia hạn tạm giữ, tạm giam...

Viện kiểm sát hủy bỏ các quyết định trái pháp luật của CQĐT là quyền năng quan trọng mà pháp luật quy định cho VKS, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, là phương tiện bảo đảm cho việc điều tra phải tuân thủ theo pháp luật TTHS một cách nghiêm chỉnh, tránh tùy tiện. Thực tế, VKS thực hiện quyền này khi đã yêu cầu nhưng CQĐT không thực hiện; chẳng hạn như việc thay đổi, hủy bỏ biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam và các biện pháp ngăn chặn khác theo quy định pháp luật, hủy bỏ các quyết định trái pháp luật như

quyết định khởi tố, không khởi tố vụ án, quyết định đình chỉ điều tra.

2.1.2.6. Tạm đình chỉ vụ án

Tạm đình chỉ vụ án là tạm ngừng việc tiến hành tố tụng đối với vụ án hoặc với từng bị can, nhưng quyền công tố vẫn tiếp tục được duy trì. Khi không còn căn cứ tạm đình chỉ vụ án thì hoạt động tố tụng đối với vụ án được phục hồi.

Khoản 2 Điều 169 BLTTHS quy định VKS ra quyết định tạm đình chỉ vụ án trong những trường hợp sau:

- Khi bị can mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh hiểm nghèo khác mà có chứng nhận của Hội đồng giám định pháp y. Trường hợp này là trường hợp, sau khi hồ sơ đã chuyển sang VKS, KSV phát hiện bị can có những biểu hiện của bệnh tâm thần hoặc bệnh hiểm nghèo khác, KSV phải đề xuất với Viện trưởng VKS về việc trưng cầu giám định pháp y. Quyết định tạm đình chỉ vụ án chỉ được đưa ra sau khi có kết luận của Hội đồng giám định pháp y (Điều 131 BLTTHS). Cùng với việc ra quyết định tạm đình chỉ vụ án VKS còn ra quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh đối với bị can được tạm đình chỉ do mắc bệnh tâm thần.

- Khi bị can bỏ trốn mà không biết rõ bị can đang ở đâu.

Trường hợp vụ án có nhiều bị can mà lý do để tạm đình chỉ vụ án không liên quan đến tất cả các bị can thì VKS chỉ ra quyết định tạm đình chỉ đối với từng bị can.

2.1.3. Những qui định của Luật tố tụng hình sự trong hoạt động kết thúc công tố trong giai đoạn điều tra

Những hoạt động kết thúc công tố trong giai đoạn điều tra bao gồm truy tố bị can và đình chỉ vụ án. Trong trường hợp truy tố bị can, hoạt động công tố trong giai đoạn điều tra kết thúc, đồng thời mở ra hoạt động truy tố trong giai đoạn xét xử. Trong trường hợp đình chỉ vụ án, hoạt động công tố trong

giai đoạn điều tra kết thúc, đồng thời chấm dứt tố tụng đối với vụ án.

2.1.3.1. Truy tố bị can

Quyền công tố do VKS thực hiện gồm tổng hợp nhiều quyền năng tố tụng, trong đó quyền truy cứu TNHS bị can trước Tòa án là quyền đặc trưng của VKS. Quyền này được thực hiện bằng quyết định truy tố của VKS sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án cùng bản kết luận điều tra, đề nghị truy tố của CQĐT. Nếu xác định có đầy đủ căn cứ để truy cứu TNHS đối với bị can, VKS ra quyết định truy tố bị can bằng bản cáo trạng theo đúng nội dung quy định tại Điều 167 BLTTHS. Nội dung của Bản cáo trạng phải ghi rõ ngày, giờ, tháng, năm, địa điểm xảy ra tội phạm; thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội, hậu quả của tội phạm và những tình tiết quan trọng khác; những chứng cứ xác định tội trạng của bị can, những tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ TNHS; nhân thân của bị can và mọi tình tiết khác có ý nghĩa đối với vụ án. Phần kết luận của bản cáo trạng ghi rõ tội danh và điều khoản của BLHS được áp dụng.

Riêng đối với những vụ án được tiến hành theo thủ tục rút gọn thì việc truy tố bị can không phải làm bản cáo trạng. Trong những trường hợp này, VKS sẽ truy tố bị can ra trước Tòa án bằng quyết định truy tố (Điều 323 BLTTHS).

Tòa án chỉ thực hiện chức năng xét xử khi có quyết định truy tố của VKS. Nếu VKS không truy tố thì Tòa án không có cơ sở pháp lý để quyết định mở phiên tòa. Quyết định truy tố của VKS xác định giới hạn xét xử của Tòa án. Việc truy tố của VKS kịp thời, chính xác sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho công tác xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và nâng cao hiệu quả đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm.

Trong trường hợp vụ án không thuộc thẩm quyền truy tố của mình, VKS ra ngay quyết định chuyển vụ án cho VKS có thẩm quyền (khoản 4 Điều

166 BLTTHS).

2.1.3.2. Đình chỉ vụ án

Khi CQĐT đề nghị truy tố, nếu thấy có đủ căn cứ thì VKS ra quyết định truy tố bị can, nếu thấy có căn cứ đình chỉ thì ra quyết định đình chỉ vụ án. Đình chỉ vụ án là quyết định chấm dứt việc tiến hành tố tụng đối với vụ án hoặc với từng bị can. Theo khoản 1 Điều 169 BLTTHS, VKS ra quyết định đình chỉ vụ án khi có một trong những căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 105 và Điều 107 BLTTHS hoặc Điều 19, Điều 25 và khoản 2 Điều 69 BLHS.

Các trường hợp mà luật TTHS đã xác định làm căn cứ ra quyết định đình chỉ vụ án được quy định cả trong BLTTHS lẫn BLHS. Do đó, đòi hỏi KSV khi nghiên cứu hồ sơ phải có thái độ thật sự nghiêm túc và khách quan, căn cứ vào các tình tiết thực tế của vụ án, đối chiếu với các quy định của BLTTHS và BLHS, đảm bảo loại trừ những trường hợp truy cứu TNHS không cần thiết, ảnh hưởng tới quyền lợi của bị can. VKS ra quyết định đình chỉ vụ án trong những trường hợp:

- Khi người bị hại rút yêu cầu khởi tố. Người bị hại ở đây là những người thuộc khoản 1 Điều 105 BLTTHS. Trong trường hợp này cần chú ý: nếu họ rút yêu cầu do bị ép buộc, đe dọa, dụ dỗ, lừa phỉnh mà không phải do họ tự nguyện; người bị hại là người có nhược điểm về thể chất hoặc tinh thần, không thể biểu lộ đúng ý chí của mình trong việc rút yêu cầu hoặc trong trường hợp vì lợi ích chung của xã hội thì mặc dù người bị hại rút yêu cầu thì VKS vẫn có thể tiếp tục tiến hành tố tụng đối với vụ án.

- Khi xác định được một trong các căn cứ không cho phép khởi tố VAHS được quy định tại Điều 107 BLTTHS.

- Có căn cứ quy định tại Điều 19 BLHS. Đây là trường hợp tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội. Tuy nhiên, cần chú ý là chỉ đình chỉ vụ án đối với tội mà người đó định phạm. Nếu xét thấy hành vi thực tế của người đó có

đủ yếu tố cấu thành một tội khác thì VKS có thể trả lại hồ sơ để điều tra bổ sung về tội đó.

- Có căn cứ quy định tại Điều 25 BLHS. Đây là trường hợp xét thấy do sự chuyển biến của tình hình mà hành vi phạm tội hoặc người phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa, hay trường hợp người phạm tội tự thú trước khi hành vi phạm tội của họ bị phát giác và người đó đã cố gắng tự mình hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả của tội phạm đồng thời có thái độ thành khẩn khai báo rõ sự việc phạm tội giúp việc điều tra và phát hiện tội phạm được thuận lợi, nhanh chóng hoặc người phạm tội được miễn TNHS khi có quyết định đại xá.

- Có căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 69 BLHS. Đây là trường hợp người phạm tội là người chưa thành niên, hành vi phạm tội ít nghiêm trọng, gây thiệt hại không lớn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và được gia đình hoặc cơ quan, tổ chức nhận giám sát, giáo dục.

Như vậy, nội dung thực hành quyền công tố của VKS trong giai đoạn điều tra theo quy định tại Điều 112 BLTTHS xuyên suốt từ khi khởi tố vụ án đến khi quyết định truy tố bị can ra Tòa án hoặc đến khi có quyết định đình chỉ vụ án. Pháp luật quy định cho VKS có quyền hạn (nhiệm vụ) như vậy nhằm tăng cường trách nhiệm của VKS trong giai đoạn điều tra, tạo cơ sở để VKS có thể chủ động hơn trong quá trình điều tra, nhằm bảo đảm thu thập đầy đủ chứng cứ cho việc giải quyết vụ án đúng pháp luật.

2.2. Tình hình tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức của người khác và thực trạng thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra tội phạm này trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

2.2.1. Tình hình tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

Với tính chất là tỉnh có hoạt động kinh tế khá sôi động, dân số đông, Vĩnh Phúc là nơi xảy ra nhiều vụ án cố ý gây thương tích. Có những vụ án xảy ra rất nghiêm trọng, với đông đối tượng tham gia, thậm chí hoạt động theo kiểu “xã hội đen”. Thành phần các đối tượng đa số có tuổi đời còn trẻ, thậm chí có nhiều bị can đang còn ở lứa tuổi vị thành niên. Trong 05 năm vừa qua trên toàn tỉnh Vĩnh Phúc, các cơ quan tiến hành tố tụng đã phát hiện, khởi tố điều tra 532 vụ án với 786 bị can về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Trong đó, kết quả cụ thể như sau:

Bảng 2.1: Tình hình tội phạm cố ý gây thương tích ở tỉnh Vĩnh Phúc từ năm 2012 đến hết năm 2016

Đơn vị tính: Số vụ/ bị can

Năm	Tổng số khởi tố	Kết thúc điều tra	Đình chỉ	Tạm đình chỉ	Truy tố
2012	97/102	81/90	08/09	03/03	78/86
2013	104/158	84/131	19/25	01/02	81/127
2014	101/147	82/135	17/17	02/02	81/133
2015	113/173	87/146	23/24	03/03	85/141
2016	117/206	97/180	18/23	02/03	95/176
Tổng cộng	532/786	431/682	85/98	11/12	420/665

Nguồn: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc

Như vậy, qua kết quả trên cho thấy, tình hình tội phạm cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc đã diễn ra rất phức tạp, với số vụ và số bị can có xu hướng ngày càng tăng. Cụ thể, năm 2012 Cơ quan điều tra khởi tố 97 vụ với 102 bị can về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, đến năm 2016 đã tăng lên 117 vụ với 206 bị can. Điều này cho thấy tính chất phức tạp của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác diễn ra trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Qua phân tích các vụ án về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác xảy ra trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc trong 05 năm vừa qua ta có thể thấy đặc điểm về tình hình tội phạm như sau:

- *Về thành phần đối tượng:* Đối tượng phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn rất đa dạng và phức tạp. Theo số liệu thống kê về đặc điểm nhân thân người phạm tội thì đối tượng thực hiện hành vi phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác chủ yếu là nam giới độ tuổi từ 16 đến 30, trình độ học vấn hết cấp II (chiếm 55%), cấp I (chiếm 12%), cấp III hoặc đang học cấp III (chiếm 33%) trong đó người chưa thành niên phạm tội cố ý gây thương tích khá cao (khoảng 23%). Các đối tượng thực hiện hành vi phạm tội phần lớn là các đối tượng lưu manh, côn đồ hung hãn, quan hệ gia đình phức tạp, sống lang thang, trong đó có nhiều đối tượng có tiền án, tiền sự, tái phạm, tái phạm nguy hiểm, nghiện ma túy.

- *Về địa điểm phạm tội:* Địa điểm phạm tội của tội cố ý gây thương tích thường là những khu vực quán rượu bia, quán karaoke, nơi công cộng... Bởi lẽ đây là nơi mà có tỉ lệ người đông, thường xảy ra va chạm từ đó phát sinh những vụ đánh nhau... Cá biệt, có một số trường hợp ở các làng quê, thì các địa điểm là ngã ba, ngã tư nơi tụ tập thanh niên lại là nơi thường xảy ra các vụ án về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Địa điểm gây án có ý nghĩa hình sự rất lớn đối với hoạt động điều tra thu thập chứng cứ nhằm chứng minh làm rõ sự thật vụ án và người thực hiện hành vi phạm tội. Địa điểm gây án liên quan mật thiết với thủ đoạn gây án, thời gian gây án, diễn biến của vụ án, công cụ, phương tiện và thủ đoạn quyết định thực hiện hành vi phạm tội; nó phản ánh đầy đủ thuộc tính hành vi, nhân cách của người phạm tội cũng như người bị hại trong vụ án tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

- *Đặc điểm về thời gian gây án*: Thời gian gây án của tội phạm cố ý gây thương tích trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc là bất cứ thời điểm nào, không theo quy luật nhất định.

2.2.2. Thực trạng thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

2.2.2.1. Kết quả đạt được

Trong những năm qua, hoạt động THQCT của VKSND tỉnh Vĩnh Phúc đã có những tiến bộ. Mặc dù tính chất và mức độ các vụ án gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác diễn biến càng phức tạp. Theo thống kê của VKSND tỉnh Vĩnh Phúc từ ngày 01/12/2011 đến 31/12/2016, VKS hai cấp đã thụ lý giải quyết 5995 vụ/9986 bị can, trong đó tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là 532 vụ/786 bị can, chiếm tỷ lệ gần 8,9% trên tổng số các vụ án đã thụ lý.

Bảng 2.2. Số vụ, số bị can tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác Cơ quan điều tra thụ lý giải quyết từ năm 2012 đến năm 2016 so với các tội phạm xảy ra trên địa bàn

Năm	Tổng số án CQĐT thụ lý		Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác	
	Số vụ	Số bị can	Số vụ	Số bị can
2012	1314	2232	97	102
2013	1220	2136	104	158
2014	1240	1953	101	147
2015	1168	1908	113	173
2016	1053	1757	117	206

Nguồn: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc

Qua số liệu trên cho thấy từ năm 2012 đến năm 2016, số lượng án CQĐT thụ lý có xu hướng giảm nhưng số vụ án về tội cố ý gây thương tích

hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác ngày càng tăng. Từ đó thấy rằng, tình hình tội phạm cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác ngày càng diễn biến phức tạp nhưng các cơ quan bảo vệ pháp luật địa phương, nhất là ngành kiểm sát đã có nhiều nỗ lực, phấn đấu để kiểm soát tình hình tội phạm.

Việc đánh giá đầy đủ, đúng đắn thực trạng hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là một vấn đề quan trọng để tìm ra nguyên nhân của những thành tựu cũng như của những tồn tại, làm cơ sở cho việc xác định những giải pháp nhằm nâng cao vai trò, chất lượng, hiệu quả hoạt động THQCT của VKS.

Mặc dù công tác thực hành quyền công tố trên thực tiễn còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, nhưng với tinh thần, trách nhiệm cao trong công tác. Cán bộ, KSV VKSND tỉnh Vĩnh Phúc đã nỗ lực phấn đấu trong công tác nhằm truy tố đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không làm oan người vô tội, không bỏ lọt tội phạm. Những kết quả đã đạt được của VKS 2 cấp tỉnh Vĩnh Phúc như sau:

- Trước hết là hoạt động khởi tố VAHS: Trong thực tiễn, hầu hết các VAHS do CQĐT khởi tố vụ án. Nhưng có những trường hợp CQĐT không khởi tố nên VKS yêu cầu CQĐT ra quyết định khởi tố vụ án và trực tiếp ra quyết định khởi tố vụ án. Từ năm 2012 đến năm 2016, VKS đã hủy bỏ 03 quyết định không khởi tố vụ án của CQĐT và yêu cầu CQĐT ra quyết định khởi tố, VKS trực tiếp khởi tố bị can đối với 05 đối tượng và yêu cầu CQĐT tiến hành điều tra. Các trường hợp VKS yêu cầu CQĐT khởi tố vụ án đều được chấp nhận.

Viện kiểm sát đã thực hành quyền công tố ngay từ khi khởi tố vụ án nên trong giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2016 không có vụ án nào phải đình

chỉ điều tra vi không phạm tội. Tuy nhiên, theo quy định của BLTTHS, các hành vi nguy hiểm cho xã hội quy định tại khoản 1 Điều 104 BLHS thuộc các trường hợp khởi tố theo yêu cầu của bị hại, do vậy trong quá trình điều tra, có nhiều trường hợp bị hại đã rút đơn yêu cầu khởi tố do vậy vụ án đã phải đình chỉ điều tra. Từ năm 2012 đến năm 2016, số vụ CQĐT đình chỉ điều tra là: năm 2012: 08 vụ/09 bị can; năm 2013: 19 vụ/25 bị can; năm 2014: 17 vụ/17 bị can; năm 2015: 23 vụ/24 bị can; năm 2016: 18 vụ/23 bị can.

- Khi thực hiện việc phê chuẩn quyết định khởi tố bị can, VKS chú trọng ngay từ khi CQĐT gửi quyết định khởi tố bị can kèm theo công văn đề nghị VKS phê chuẩn quyết định khởi tố bị can. Từ năm 2012 đến năm 2016, VKS đã tiến hành phê chuẩn 786 quyết định khởi tố bị can. Tất cả các trường hợp phê chuẩn khởi tố bị can đều đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để oan, sai, bỏ lọt tội phạm. Ngoài ra, khi THQCT trong giai đoạn điều tra, VKS còn yêu cầu CQĐT ra các quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố vụ án. Từ năm 2012 đến năm 2016, VKS tỉnh Vĩnh Phúc đã từ chối ra quyết định phê chuẩn khởi tố bị can đối với 07 trường hợp; yêu cầu CQĐT ra quyết định thay đổi quyết định khởi tố VAHS 05 vụ.

- Về thực hiện quyền phê chuẩn, không phê chuẩn, áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn tại điều 112 BLTTHS: hầu hết các lệnh bắt bị can, quyết định gia hạn tạm giữ hay việc áp dụng biện pháp tạm giam đối với các bị can đều được VKS phê chuẩn. Tuy nhiên, có một số trường hợp, sau khi nghiên cứu hồ sơ, VKS nhận thấy không cần thiết phải bắt khẩn cấp và áp dụng biện pháp tạm giam nên đã không phê chuẩn 03 trường hợp bắt khẩn cấp, 11 trường hợp tạm giam.

Viện kiểm sát tỉnh Vĩnh Phúc đã thực hiện tốt các nhiệm vụ về phê chuẩn hoặc không phê chuẩn các biện pháp hạn chế quyền con người nên đảm bảo việc bắt, tạm giữ, tạm giam đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Theo

thống kê của Viện KSND tỉnh Vĩnh Phúc đã thực hiện việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn cụ thể như sau:

Việc phê chuẩn biện pháp bắt từ năm 2012 đến năm 2016, Viện KSND Vĩnh Phúc đã phê chuẩn bắt khẩn cấp 58 đối tượng, phê chuẩn lệnh bắt tạm giam 476 bị can, không phê chuẩn lệnh bắt bị can để tạm giam 11 bị can.

Việc áp dụng phê chuẩn gia hạn tạm giữ, gia hạn lệnh tạm giam: VKS đã ra quyết định phê chuẩn gia hạn tạm giữ lần thứ nhất 34 đối tượng, phê chuẩn gia hạn tạm giữ lần thứ 2 có 16 trường hợp, phê chuẩn tạm giam 75 bị can. Viện KSND đã làm tốt công tác này đảm bảo việc bắt, giam, giữ người đúng quy định pháp luật, không có trường hợp oan sai.

- Về thực hiện quyền yêu cầu điều tra: khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra, VKSND tỉnh Vĩnh Phúc về cơ bản đã gắn chặt công tố với điều tra, KSV đã chú trọng việc đánh giá hồ sơ, nghiên cứu vụ án để phối hợp với ĐTV đề ra yêu cầu điều tra. KSV phối hợp với ĐTV để đẩy nhanh tiến độ điều tra, thu thập các chứng cứ buộc tội, chứng cứ gỡ tội, đảm bảo các chứng cứ thu thập có giá trị chứng minh theo quy định của BLTTHS để truy cứu TNHS người phạm tội.

Trong giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2016, VKSND tỉnh Vĩnh Phúc đã đề ra 547 yêu cầu điều tra đối với các vụ án có ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Các yêu cầu này bảo đảm kịp thời, nội dung yêu cầu đầy đủ, có căn cứ và được CQĐT chấp nhận.

Trong một số trường hợp cần thiết, KSV chủ động tiến hành một số hoạt động điều tra như hỏi cung bị can, lấy lời khai người làm chứng, bị hại và nguyên đơn dân sự, tiến hành đối chất, nhận dạng hay thực nghiệm điều tra nhằm làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án. Kể từ năm 2016, 100% các vụ án sau khi kết thúc điều tra, KSV đã thực hiện phúc cung bị can trước khi truy tố bị can nhằm tránh oan, sai bỏ lọt tội phạm.

- Việc thực hành quyền công tố trong giai đoạn truy tố đảm bảo việc truy tố đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Theo số liệu thống kê của Viện KSND tỉnh Vĩnh Phúc qua các năm thể hiện như sau:

Năm 2012 VKS Vĩnh Phúc thụ lý 81 vụ/90 bị can, đã truy tố 78 vụ/86 bị can; đình chỉ 03 vụ/04 bị can.

Năm 2013 VKS Vĩnh Phúc thụ lý 84 vụ/131 bị can, đã truy tố 81 vụ/127 bị can; đình chỉ 02 vụ/02 bị can.

Năm 2014 VKS Vĩnh Phúc thụ lý 82 vụ/135 bị can, đã truy tố 81 vụ/133 bị can; đình chỉ 01 vụ/02 bị can.

Năm 2015 VKS Vĩnh Phúc thụ lý 87 vụ/146 bị can, đã truy tố 85 vụ/141 bị can; đình chỉ 02 vụ/05 bị can.

Năm 2016 VKS Vĩnh Phúc thụ lý 97 vụ/180 bị can, đã truy tố 95 vụ/176 bị can; đình chỉ 01 vụ/01 bị can.

Qua số liệu trên nhận thấy, VKS ra quyết định đình chỉ vụ án chiếm tỷ lệ thấp, chủ yếu có nguyên nhân từ việc bị hại rút đơn yêu cầu.

Nhờ việc thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra tốt nên số án sau khi kết thúc điều tra đều được VKS ban hành Cáo trạng truy tố đúng thời gian quy định.

Việc thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra đã đảm bảo các hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác đều được phát hiện kịp thời và xử lý, hạn chế thấp nhất việc làm oan người vô tội và bỏ lọt tội phạm. Việc thu thập chứng cứ để chứng minh hành vi phạm tội, người phạm tội làm cơ sở để truy cứu TNHS người phạm tội ra trước Tòa để xét xử. Góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương.

2.2.2.2. Hạn chế, vướng mắc trong việc thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Trong những năm vừa qua, thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác của VKS tỉnh Vĩnh Phúc đã có những kết quả đáng khích lệ. Đã góp phần quan trọng vào việc thực hiện nghiêm nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ công tác của ngành và địa phương. Đồng thời cũng góp phần vào công tác đấu tranh phòng chống tội phạm xảy ra trên địa bàn. Tuy nhiên, công tác THQCT trong giai đoạn điều tra tội cố ý gây thương tích của VKS tỉnh Vĩnh Phúc vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như: một số vụ án còn kéo dài hoạt động điều tra, có đơn thư khiếu nại, tố cáo về hoạt động điều tra,... Những hạn chế, bất cập trong công tác THQCT trong giai đoạn điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác của VKSND tỉnh Vĩnh Phúc trong những năm vừa qua chủ yếu ở những nội dung sau:

- Hạn chế trong việc quản lý và xử lý tin báo, tố giác tội phạm của VKS. Nhiều nơi do không quản lý được tình hình tin báo, tố giác về tội phạm nhất là các tin báo, tố giác về tội cố ý gây thương tích nên kết quả số VAHS khởi tố chưa phản ánh hết thực trạng số vụ gây thương tích xảy ra trên địa bàn. Một số ít KSV được phân công đã không làm tốt công tác thực hành quyền công tố dẫn đến một số vụ cố ý gây thương tích hậu quả ít nghiêm trọng, tỷ lệ thương tích dưới 11% và do người bị hại có mối quan hệ với đối tượng thực hiện hành vi phạm tội nên CQĐT thường tạo điều kiện cho hai bên hòa giải, tuy nhiên có nhiều trường hợp không hòa giải được sau đó phải chờ kết quả giám định tỷ lệ thương tích, mà không báo cho VKS biết để thực hiện phân loại tội phạm dẫn đến tình trạng vi phạm thời hạn giải quyết tin báo quy định tại Điều 103 BLTTHS năm 2003. Do đó, nhiều vụ việc không được khởi

tổ hoặc chậm khởi tố vụ án.

- Hoạt động thực hành quyền công tố của VKS trong giai đoạn điều tra là giai đoạn quan trọng nhất, mang tính chất quyết định đến kết quả thực hành quyền công tố đối với VAHS. Vì vậy, pháp luật hiện hành trao cho VKS có quyền hạn nhưng cũng là trách nhiệm rất lớn khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn này.

Trong giai đoạn điều tra, pháp luật trao cho VKS có quyền đề ra yêu cầu điều tra. Yêu cầu này bao gồm các chứng cứ buộc tội, chứng cứ gỡ tội mà VKS yêu cầu CQĐT thu thập theo trình tự, thủ tục đúng pháp luật, làm căn cứ để truy cứu TNHS người phạm tội. Tuy nhiên trong thực tiễn thi hành do pháp luật hiện hành chưa quy định rõ biện pháp khi CQĐT không thực hiện yêu cầu điều tra của VKS. Dẫn đến việc nếu CQĐT không thực hiện theo yêu cầu điều tra thì cũng không có cơ chế xử lý.

Pháp luật TTHS hiện hành không quy định VKS có quyền trực tiếp điều tra VAHS, mà chỉ có thẩm quyền tiến hành một số hoạt động điều tra trong VAHS do CQĐT thụ lý (điều 37 BLTTHS).

Mặc dù khoản 1 điều 13 Luật Tổ chức VKSND và điểm a khoản 2 điều 36 BLTTHS có quy định khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra VAHS, VKS có nhiệm vụ và quyền hạn “khởi tố VAHS, khởi tố bị can...), nhưng tại điều 104 BLTTHS (quy định về khởi tố VAHS) lại quy định VKS chỉ được ra quyết định khởi tố VAHS trong trường hợp VKS hủy bỏ quyết định không khởi tố của CQĐT và các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra. Vì vậy, thực tế có nhiều trường hợp vụ việc có dấu hiệu tội phạm cần được khởi tố, điều tra, nhưng vì những lý do khác nhau, CQĐT không ra quyết định khởi tố vụ án và cũng không ra quyết định không khởi tố vụ án thì VKS không thể ra được quyết định khởi tố vụ án để yêu cầu điều tra, mà chỉ có thể ra văn bản yêu

cầu khởi tố vụ án (theo quy định tại điều 114 BLTTHS thì yêu cầu khởi tố VAHS của VKS không phải là loại yêu cầu mà nếu không nhất trí, CQĐT vẫn phải chấp hành như một số yêu cầu, quyết định khác nên hiệu lực bị hạn chế).

Đối với việc khởi tố bị can, tại khoản 5 Điều 126 BLTTHS quy định VKS chỉ thực hiện thẩm quyền khởi tố bị can sau khi nhận hồ sơ và kết luận điều tra mà VKS phát hiện có người khác đã thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án chưa bị khởi tố. Quy định nói trên có hạn chế là trong khi vụ án đang được tiến hành điều tra, nếu yêu cầu khởi tố bị can của VKS chưa được thực hiện thì phải chờ đến khi nhận hồ sơ và kết luận điều tra, VKS mới có thể ra quyết định khởi tố bị can và yêu cầu điều tra, trong trường hợp này phải trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung.

Theo quy định tại khoản 2 điều 166 BLTTHS thì sau khi nhận hồ sơ vụ án VKS có quyền quyết định việc áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, nếu bị can đã bị áp dụng biện pháp tạm giam thì có thể tiếp tục tạm giam nhưng thời hạn tạm giam không quá thời hạn quy định tại khoản 1 điều 166 BLTTHS. Như vậy, có thể hiểu đối với tội phạm ít nghiêm trọng thì VKS ra quyết định tạm giam đối với bị can 20 ngày. Nhưng cũng tại khoản 1 và khoản 3 điều 166 BLTTHS quy định trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ra bản cáo trạng truy tố thì VKS phải thông báo cho bị can, người bào chữa biết, gửi hồ sơ và bản cáo trạng cho Tòa án biết. Như vậy, VKS đã mất đi khoảng thời gian 03 ngày để giao hồ sơ cho Tòa án trong trường hợp vụ án có bị can bị tạm giam.

2.2.2.3. Nguyên nhân của những hạn chế, vướng mắc

Việc thực hiện các quy định pháp luật hiện vẫn chưa được đồng bộ nên dẫn đến việc những hạn chế, vướng mắc khi THQCT trong giai đoạn điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

Luật hiện hành chưa quy định rõ về quyền hạn khởi tố vụ án của VKS trong trường hợp CQĐT không ra quyết định khởi tố vụ án. Trong trường hợp này cần quy định thêm: trong trường hợp việc khởi tố VAHS có căn cứ thì CQĐT phải chấp nhận và tiến hành điều tra theo yêu cầu của VKS. Quy định VKS có thẩm quyền khởi tố vụ án bất kỳ trong giai đoạn khởi tố hay điều tra vụ án để VKS có thể thực hiện tốt hơn chức năng công tố.

Bên cạnh những quy định pháp luật còn chưa hoàn thiện, ảnh hưởng đến chức năng thực hành quyền công tố của VKS thì cũng có những yếu tố chủ quan tác động đến chức năng của VKS:

- Một số KSV chưa nhận thức đầy đủ vai trò, chức năng nhiệm vụ của VKSND trong THQCT trong giai đoạn điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nên trong hoạt động nghiệp vụ còn coi việc tiến hành các hoạt động điều tra trong giai đoạn điều tra là của CQĐT, ngại đấu tranh, né tránh, thiếu bản lĩnh để kiên quyết đấu tranh với các loại tội phạm và những vi phạm của CQĐT, làm giảm hiệu quả công tác THQCT.

Biên chế của VKS chưa đảm bảo đủ công tác và trình độ năng lực của một số KSV làm công tác THQCT còn hạn chế; một số ít KSV thiếu kinh nghiệm trong công tác thực tiễn nên còn tư tưởng ngại va chạm, chủ quan, ít nghiên cứu những quy định pháp luật mới nên hạn chế kỹ năng THQCT.

Công tác điều hành, chỉ đạo nghiệp vụ của VKS cấp trên có lúc còn chưa kịp thời, sâu sát và cụ thể.

Điều kiện cơ sở vật chất trang thiết bị cho ngành kiểm sát và trang thiết bị phục vụ cho công tác THQCT còn thiếu, chưa đáp ứng nhu cầu công tác; chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, KSV của ngành kiểm sát chưa được quan tâm đầu tư đúng mức, chưa tương xứng với nhiệm vụ đặt ra cũng làm ảnh hưởng đến chất lượng THQCT nói chung và THQCT trong giai đoạn điều tra tội cố ý

gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nói riêng.

Kết luận chương 2

- Qua khảo sát, phân tích đánh giá đặc điểm, tình hình có liên quan đến tội phạm cố ý gây thương tích và các đặc điểm hình sự của tội phạm này trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc từ năm 2012 đến năm 2016 cho thấy tình hình tội phạm cố ý gây thương tích có nhiều diễn biến phức tạp, có xu hướng ngày càng gia tăng. Kết quả tổng kết thực tiễn giúp cho chúng ta nắm vững đặc điểm hình sự của loại tội phạm cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác về thời gian gây án, địa điểm gây án, công cụ phương tiện gây án, nhân thân người gây án, thủ đoạn gây án điều đó có ý nghĩa thực tiễn rất quan trọng trong việc nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra loại tội phạm này trên địa bàn. Thực trạng của công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác cho thấy tình hình tội phạm này chiếm tỷ lệ cao và ngày càng diễn biến phức tạp trong tình hình tội phạm trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

- Bằng những số liệu cụ thể, luận văn đã làm rõ thực trạng thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. Từ đó rút ra những kết quả đạt được, những hạn chế, nguyên nhân của những hạn chế trong giai đoạn này để từ đó có thể tìm ra những giải pháp để nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố nói chung và chất lượng thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nói riêng.

Chương 3

GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA TỘI CỐ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỔN HẠI CHO SỨC KHOẺ CỦA NGƯỜI KHÁC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH PHÚC

3.1. Yêu cầu nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

Khi nhận định về tình hình công tác tư pháp, Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ chính trị khẳng định: “chất lượng công tác tư pháp nói chung chưa ngang tầm với yêu cầu và đòi hỏi của nhân dân, còn nhiều trường hợp bỏ lọt tội phạm, làm oan người vô tội, vi phạm các quyền tự do và dân chủ của nhân dân, làm giảm sút lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và các cơ quan tư pháp”. Từ đó, Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định những nguyên nhân gây nên tình trạng đó và đề ra nhiệm vụ để các cơ quan tư pháp thực hiện. Khi đề cập đến chức năng của VKS, Nghị quyết 08-NQ/TW đã nêu: VKS các cấp thực hiện tốt chức năng cốt lõi và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tư pháp. Hoạt động công tố phải thực hiện ngay từ khi khởi tố vụ án và trong suốt quá trình tố tụng nhằm không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội, xử lý kịp thời những trường hợp sai phạm của những người tố tụng khi thi hành nhiệm vụ [2].

Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2010 khẳng định: VKSND giữ nguyên chức năng như hiện nay là thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp” [4]. Như vậy, Đảng và Nhà nước luôn luôn khẳng định xây dựng nền tư pháp vững mạnh trong đó VKS có trách nhiệm quan trọng trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. Công tác công tố của VKS phải xuyên suốt, bao quát quá trình tố tụng

kể từ khi khởi tố vụ án, điều tra, truy tố, xét xử cho đến khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Phải bảo đảm mọi tội phạm và người phạm tội được phát hiện kịp thời, đầy đủ, xử lý nghiêm minh, có căn cứ pháp luật, không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội.

Mặt khác, trong những năm gần đây, tình hình tội phạm có tổ chức xảy ra trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc ngày càng diễn biến phức tạp, với sự gia tăng về số lượng, với nhiều thủ đoạn tinh vi và nguy hiểm, nhất là tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nên cần phải nâng cao trách nhiệm thực hành quyền công tố để đáp ứng nhu cầu với thực tại.

Trong những năm qua, số lượng các VAHS được phát hiện, khởi tố, điều tra, truy tố có giảm nhưng tình hình tội phạm diễn biến phức tạp, với tính chất, mức độ và hậu quả nghiêm trọng. Tình hình đó đòi hỏi hoạt động thực hành quyền công tố ngày càng phải được nâng cao về chất lượng. Bởi hoạt động thực hành quyền công tố không chỉ nhằm truy cứu TNHS đối với người phạm tội, mà còn nhằm phát hiện nguyên nhân, điều kiện phạm tội để từ đó làm giảm bớt tình hình tội phạm.

Trong TTHS, VKS và CQĐT có vị trí, chức năng và nhiệm vụ khác nhau. CQĐT có trách nhiệm chứng minh sự thật của vụ án, thu thập cả chứng cứ buộc tội và chứng cứ gỡ tội. VKS có trách nhiệm thực hành quyền công tố, quyết định việc buộc tội, gỡ tội trên cơ sở kết quả điều tra. Trách nhiệm theo quy định như vậy, nhưng thực tế CQĐT thường tập trung thu thập chứng cứ buộc tội hơn chứng cứ gỡ tội nên có những trường hợp lạm dụng việc bắt, tạm giữ, tạm giam để phục vụ cho công tác điều tra dễ dàng hơn. Đặt ra trách nhiệm cho VKS phải áp dụng mọi biện pháp theo quy định một cách kịp thời để đảm bảo việc bắt, tạm giữ, tạm giam và áp dụng các biện pháp ngăn chặn của CQĐT đảm bảo có căn cứ và đúng pháp luật. Vừa đảm bảo không để lọt tội phạm nhưng cũng không làm oan người vô tội; đồng thời khi phát hiện vi phạm pháp luật của ĐTV và CQĐT thì VKS yêu cầu chấm dứt ngay và xử lý

nghiêm các hành vi vi phạm trong hoạt động điều tra. Tác động của VKS vào hoạt động điều tra vừa mang tính chế ước, vừa mang tính phối hợp trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của mỗi cơ quan. Để thực hiện tốt chức năng thực hành quyền công tố, VKS phải chú trọng thực hiện chủ trương tăng cường trách nhiệm công tố, gắn công tố với hoạt động điều tra, khắc phục tình trạng chờ CQĐT chuyển hồ sơ sang rồi mới nghiên cứu, xét phê chuẩn hoặc trả hồ sơ điều tra bổ sung.

3.2. Các giải pháp nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

3.2.1. Giải pháp tăng cường hướng dẫn, triển khai thực hiện Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015

Quá trình nghiên cứu về các quy định của luật TTHS và thực tiễn áp dụng các quy định này thời gian qua cho thấy BLTTHS hiện hành đã bộc lộ một số mặt hạn chế chưa đáp ứng được yêu cầu của cuộc đấu tranh phòng và chống tội phạm trong tình hình mới. Để thể chế hóa đầy đủ chủ trương của cải cách tư pháp và Hiến pháp năm 2013 bảo đảm mọi hành vi phạm tội đều bị phát hiện và xử lý nghiêm minh, chính xác, kịp thời, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội. BLTTHS năm 2015 ra đời đã tháo gỡ phần lớn những vướng mắc, bất cập trong thực tiễn, tăng cường trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, trong đó có VKSND. So với quy định của BLTTHS năm 2003, BLTTHS năm 2015 đã bổ sung những quy định tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động THQCT của VKS trong giai đoạn điều tra. Cụ thể là:

+ Về nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm sát viên: Theo quy định tại Điều 37 BLTTHS 2003, KSV là người trực tiếp giải quyết vụ án nhưng chỉ được giao một số ít các thẩm quyền tố tụng và chủ yếu là những thẩm quyền có tính chất thi hành lệnh, quyết định của Viện trưởng.

Để khắc phục những hạn chế, vướng mắc từ thực tiễn; thúc đẩy quá trình giải quyết vụ án khẩn trương, chính xác; tăng cường trách nhiệm của những chức danh tư pháp. Tại điều 42 BLTTHS năm 2015 đã tăng cho KSV các thẩm quyền đó là: trực tiếp giải quyết và lập hồ sơ giải quyết nguồn tin về tội phạm; triệu tập và lấy lời khai người tố giác, báo tin về tội phạm, người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người đại diện theo pháp luật của pháp nhân; yêu cầu hoặc đề nghị cử, thay đổi người bào chữa; yêu cầu cử, đề nghị thay đổi người phiên dịch, người dịch thuật; bắt buộc có mặt khi Cơ quan điều tra tiến hành đối chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói, thực nghiệm điều tra, khám xét; yêu cầu Cơ quan điều tra truy nã, đình nã bị can; quyết định áp giải người bị bắt, bị can; quyết định dẫn giải người làm chứng, người bị tố giác, bị kiến nghị khởi tố, bị hại; quyết định giao người dưới 18 tuổi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân để giám sát; quyết định thay đổi người giám sát người dưới 18 tuổi phạm tội.

+ Điều 104 BLTTHS 2003 quy định: Việc khởi tố vụ án được giao cho CQĐT ra quyết định; sau khi có quyết định khởi tố vụ án thì chuyển cho VKS để thực hiện kiểm sát việc khởi tố. Đối với quyết định khởi tố bị can, CQĐT ra quyết định và phải được VKS cùng cấp phê chuẩn. Với quy định như vậy thực tế, VKS không nắm được việc khởi tố của CQĐT do những bất cập trong tiếp nhận và xử lý thông tin tội phạm. Mặt khác, theo quy định tại Điều 103 BLTTHS năm 2003, chỉ quy định rất ngắn gọn trách nhiệm của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát trong việc tiếp nhận đầy đủ mọi tố giác, tin báo về tội phạm do cá nhân, cơ quan, tổ chức và kiến nghị khởi tố do cơ quan nhà nước chuyển đến. Viện kiểm sát có trách nhiệm chuyển ngay các tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố kèm theo các tài liệu có liên quan đã tiếp nhận cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền. Do vậy, VKS không nắm được con số thực tế CQĐT các cấp tiếp nhận được bao nhiêu tố giác, tin báo về tội phạm mỗi năm. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến việc ra quyết định khởi tố hay

không khởi tố vụ án hình sự, mà còn ảnh hưởng đến việc nắm tình hình tội phạm diễn ra như thế nào của VKS.

Để tạo thuận lợi trong thực tiễn áp dụng, bảo đảm giải quyết kịp thời, đầy đủ và kiểm sát chặt chẽ việc tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, chống bỏ lọt tội phạm, bảo đảm đồng bộ với Luật tổ chức VKSND, Luật tổ chức Cơ quan điều tra hình sự năm 2015. Tại điều 146 BLTTHS năm 2015 đã quy định cụ thể trách nhiệm và thủ tục tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Viện kiểm sát, Công an phường, thị trấn, Đoàn Công an, Công an xã, Các cơ quan, tổ chức khác. Đồng thời bổ sung quy định *“trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về việc tiếp nhận đó cho Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện kiểm sát có thẩm quyền”*.

Đồng thời BLTTHS năm 2015 đã bổ sung thẩm quyền ra quyết định khởi tố vụ án hình sự của VKS trong các trường hợp: Viện kiểm sát trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố; VKS trực tiếp phát hiện dấu hiệu tội phạm (điều 153).

+ Đối với việc khởi tố bị can, khoản 5 điều 126 BLTTHS quy định VKS chỉ thực hiện thẩm quyền khởi tố bị can sau khi nhận hồ sơ và kết luận điều tra mà VKS phát hiện có người khác đã thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án chưa bị khởi tố. Trong thực tiễn thực hiện quy định trên có nhiều bất cập khi trong giai đoạn điều tra, VKS phát hiện có người đã thực hiện hành vi phạm tội chưa bị khởi tố thì VKS chỉ có thẩm quyền yêu cầu CQĐT ra quyết định khởi tố bị can do vậy có nhiều trường hợp VKS yêu cầu nhưng CQĐT không thực hiện. Để hạn chế bất cập này, tại khoản 4 điều 179 BLTTHS năm 2015 đã bổ sung quy định: Trường hợp phát hiện có người đang thực hiện

hành vi mà Bộ luật hình sự quy định là tội phạm chưa bị khởi tố thì VKS yêu cầu CQĐT ra quyết định khởi tố bị can hoặc trực tiếp ra quyết định khởi tố bị can nếu đã yêu cầu nhưng CQĐT không thực hiện.

+ Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 không quy định về việc giao nhận hồ sơ vụ án và bản kết luận điều tra dẫn đến trong thực tiễn khi thực hiện còn chưa có sự thống nhất. Để tạo sự thống nhất trong thực tiễn áp dụng, điều 238 BLTTHS năm 2015: quy định cụ thể, khi Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra giao hồ sơ vụ án kèm theo bản kết luận điều tra đề nghị truy tố và vật chứng (nếu có), trường hợp tài liệu trong hồ sơ vụ án, vật chứng kèm theo (nếu có) đã đầy đủ so với bảng kê tài liệu, vật chứng và bản kết luận điều tra đã được giao cho bị can hoặc người đại diện của bị can thì Viện kiểm sát nhận hồ sơ vụ án; trường hợp tài liệu trong hồ sơ vụ án, vật chứng kèm theo (nếu có) không đủ so với bảng kê tài liệu, vật chứng hoặc bản kết luận điều tra chưa được giao cho bị can hoặc người đại diện của bị can thì chưa nhận hồ sơ vụ án và yêu cầu Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra bổ sung tài liệu, vật chứng; yêu cầu giao bản kết luận điều tra cho bị can hoặc người đại diện của bị can.

+ Điều 166 BLTTHS 2003 quy định trong thời hạn 3 ngày, kể từ ngày ban hành cáo trạng, VKS phải giao cáo trạng cho bị can, vì quy định trên không khả thi, quá ngắn đối với những trường hợp vụ án có nhiều bị can tại ngoại, bị can tạm giam ở nơi xa mà quy định chung là bản cáo trạng phải được giao cho bị can trong thời hạn truy tố và trước khi chuyển hồ sơ vụ án sang Tòa án.

Để tháo gỡ những khó khăn trong những vụ án có đông bị can. BLTTHS năm 2015: bổ sung trường hợp đặc biệt, vì lý do khách quan thì thời hạn giao bản cáo trạng, quyết định đình chỉ vụ án hoặc quyết định tạm đình chỉ vụ án cho bị can, người đại diện theo pháp luật của bị can có thể kéo dài

nhưng không quá 10 ngày (Điều 240).

+ Đề khắc phục thiếu sót của BLTTHS năm 2003 về phục hồi vụ án. BLTTHS năm 2015 đã bổ sung quy định: khi có lý do để hủy bỏ quyết định đình chỉ vụ án hoặc quyết định tạm đình chỉ vụ án thì VKS ra quyết định phục hồi vụ án nếu chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS. Nếu vụ án bị đình chỉ theo quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 157 của BLTTHS mà bị can không đồng ý và yêu cầu phục hồi vụ án thì VKS ra quyết định phục hồi vụ án.

Bên cạnh đó, trong giai đoạn điều tra, pháp luật trao cho VKS có quyền đề ra yêu cầu điều tra. Trong thực tiễn thi hành do pháp luật hiện hành chưa quy định rõ biện pháp khi CQĐT không thực hiện yêu cầu điều tra của VKS, BLTTHS năm 2015 cũng chưa có quy định. Dẫn đến việc nếu CQĐT không thực hiện theo yêu cầu điều tra thì cũng không có cơ chế xử lý. Do vậy cần bổ sung quy định: “Trong trường hợp Cơ quan điều tra không thực hiện những yêu cầu của VKS thì phải nêu rõ trong Bản kết luận điều tra”.

Việc Quốc hội ban hành BLTTHS năm 2015 thay thế BLTTHS năm 2003 đã đã tháo gỡ phần lớn những vướng mắc, bất cập trong thực tiễn, tăng cường trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, trong đó có VKSND. Tuy nhiên, ngày 29/6/2016, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết 144/2016/QH13 về việc lùi hiệu lực thi hành của BLTTHS năm 2015. Do vậy cần có sự chuẩn bị đồng bộ tốt hơn đối với việc triển khai thực hiện BLTTHS năm 2015 khi có hiệu lực.

Kể từ khi BLTTHS năm 2015 ban hành, Viện KSND tối cao đã trú trì tổ chức tập huấn triển khai BLTTHS mới đến các VKS cấp tỉnh. Chủ yếu là các nội dung đã sửa đổi bổ sung của BLTTHS mới để các VKS địa phương hiểu và áp dụng trên thực tiễn.

Trên cơ sở tài liệu tập huấn về BLTTHS năm 2015 của VKSND tối cao. VKSND tỉnh Vĩnh Phúc cần tổ chức họp, triển khai những nội dung mới

của BLTTHS năm 2015 tới các cán bộ của ngành. Thông qua các cuộc thi Chúng tôi là Kiểm sát viên, thi viết Cáo trạng, Luận tội theo những nội dung mới của BLTTHS năm 2015 để tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật tới quần chúng nhân dân.

3.2.2. Nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Viện kiểm sát nhân dân trong công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Theo quy Định của Hiến pháp năm 2013, Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, VKSND có chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tư pháp. Việc nâng cao nhận thức về vị trí, chức năng của Viện kiểm sát phải được tiến hành không chỉ đối với cán bộ, KSV trong ngành kiểm sát mà phải phổ biến rộng rãi đến tất cả các cơ quan, tổ chức đơn vị và cá nhân.

Trước những thay đổi của điều kiện kinh tế, xã hội như hiện nay đặt ra yêu cầu đối với các cơ quan bảo vệ pháp luật rất cao, đó là một mặt phải đấu tranh có hiệu quả đối với các loại tội phạm nhưng lại không được xảy ra oan sai, ảnh hưởng tới danh dự, nhân phẩm, các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân với bất kỳ lý do nào. Nên cần phải thường xuyên quán triệt, bồi dưỡng ý thức chính trị cho đội ngũ cán bộ, KSV làm nhiệm vụ thực hành hành công tố để có nhận thức đúng đắn, đầy đủ về vị trí, vai trò, chức năng và nhiệm vụ của ngành.

Cần nhận thức tầm quan trọng của vấn đề: “Tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra”, không chỉ trong phạm vi một chức năng công tố nhằm truy cứu TNHS đối với người phạm tội trong giai đoạn điều tra được nhanh chóng hiệu quả kịp thời mà còn biểu hiện ở việc VKS có trách nhiệm áp dụng các biện pháp theo quy định nhằm hướng dẫn, chế ước, giám sát hoạt động điều tra, đảm bảo hoạt động điều tra được thực hiện đúng pháp

luật. Do giai đoạn điều tra là giai đoạn quan trọng nhất, quyết định đến việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Do vậy, cán bộ, KSV làm công tác thực hành quyền công tố phải nhận thức đúng đối tượng, nội dung, phạm vi của công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

3.2.3. Nâng cao chất lượng quản lý, chỉ đạo, điều hành trong công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Quản lý nghiệp vụ trong ngành Kiểm sát nhân dân là biện pháp hành chính hữu hiệu góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự, trong đó có các vụ án về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Do đó, Lãnh đạo VKSND có thể thông qua công tác quản lý để nắm chắc được hoạt động nghiệp vụ đơn vị từ đó đề ra biện pháp chỉ đạo, điều hành có hiệu quả, sát với thực tế hoạt động của đơn vị.

Từ thực tiễn cho thấy, nếu hàng tuần, hàng tháng, hàng quý, Lãnh đạo viện nắm chắc được tình hình tội phạm xảy ra, chú trọng những tội phạm rất nghiêm trọng, phức tạp và kết quả hoạt động kiểm sát của ngành, nhất là những chỉ tiêu quan trọng của các đơn vị, sẽ giúp cho Lãnh đạo VKS kịp thời phối hợp một cách đồng bộ các bộ phận công tác, khắc phục, uốn nắn ngay những tồn tại, thiếu sót, giải quyết ngay những vướng mắc và phát huy những thành tích, kinh nghiệm trong công tác. Và ngược lại, công tác chỉ đạo, điều hành có chất lượng, hiệu quả, sẽ giúp cho việc quản lý nghiệp vụ ngày càng chặt chẽ. Đây là những yếu tố quan trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm sát nói chung, công tác thực hành quyền công tố nói riêng.

Để đáp ứng được những yêu cầu này, cán bộ quản lý phải là những Kiểm sát viên giỏi về chuyên môn nghiệp vụ; đồng thời phải là những người

có khả năng chỉ đạo, điều hành đối với hoạt động của đơn vị nghiệp vụ. Bên cạnh đó, cần có một cơ chế để thực hiện chế độ kiểm tra để kịp thời phát hiện và chấn chỉnh vi phạm của CQĐT và VKS.

Yêu cầu đặt ra đối với công tác quản lý, chỉ đạo điều hành là phải sát cơ sở, nắm chắc tình hình hoạt động của từng khâu công tác của cấp mình và cấp dưới để lãnh đạo, chỉ đạo hướng dẫn thực hiện, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và uốn nắn những thiếu sót trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Trong đó, một số chỉ tiêu phải nắm theo danh sách để kịp thời áp dụng các biện pháp công tác kiểm sát theo luật định như: những trường hợp tạm giam, tạm giữ không có căn cứ, quá hạn hoặc những trường hợp giam, giữ không có lệnh; những vụ án bị can do VKS khởi tố và yêu cầu điều tra, trả tự do vì không phạm tội, những trường hợp CQĐT và VKS đình chỉ điều tra.

Một trong những biện pháp quan trọng của công tác lãnh đạo, chỉ đạo mà các cấp lãnh đạo phải thực hiện tốt là việc kiểm tra cấp mình và cấp dưới thông qua kiểm tra để phát hiện những thiếu sót, sai phạm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ để uốn nắn kịp thời và khắc phục những sai phạm đó hoặc có thể rút kinh nghiệm chung trong từng khâu công tác. Việc hướng dẫn, chỉ đạo cũng như trả lời thỉnh thị phải được nâng cao về chất lượng, phải bảo đảm chính xác kịp thời, tránh việc hướng dẫn không rõ ràng gây khó khăn cho cấp dưới khi thực hiện. Ngoài ra, ở mỗi cấp và từng khâu công tác phải thực hiện tốt chế độ báo cáo án, báo cáo thỉnh thị, báo cáo nghiệp vụ, chế độ báo cáo định kỳ theo đúng quy định của ngành.

3.2.4. Nâng cao chất lượng đội ngũ Kiểm sát viên làm công tác thực hành quyền công tố

Nâng cao chất lượng thực hiện nhiệm vụ THQCT nói chung và THQCT trong giai đoạn điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác nói riêng, bắt đầu từ việc nâng cao chất lượng đội ngũ KSV làm công tác thực hành quyền công tố. Thời gian qua, đội ngũ KSV

VKSND tỉnh Vĩnh Phúc đã có nhiều cố gắng, đóng góp vào việc đấu tranh các loại tội phạm. Tuy nhiên, trước những diễn biến phức tạp của tình hình tội phạm, việc nâng cao chất lượng đội ngũ KSV làm công tác thực hành quyền công tố là một yếu tố quan trọng góp phần đấu tranh các loại tội phạm. Việc nâng cao chất lượng đội ngũ KSV cần thực hiện tốt những nội dung sau:

Một là, đẩy mạnh đổi mới công tác đào tạo và đào tạo lại với các hình thức thích hợp, kết hợp với phương châm đa dạng hóa hình thức đào tạo để đáp ứng nhu cầu của ngành. Kết hợp giữa đào tạo chuyên sâu về kiến thức chuyên môn nghiệp vụ và kiến thức lý luận để đáp ứng nhu cầu hiện nay.

Hai là, đổi mới việc phân công, đánh giá KSV trong khâu công tác THQCT đối với các VAHS, bố trí cán bộ phù hợp với năng lực để có thể phát huy năng lực và hiệu quả công việc.

Ba là, tăng cường tập huấn theo chuyên đề đối với các loại tội phạm cụ thể đặc biệt là tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác để cán bộ, KSV có thể nắm vững những quy định pháp luật hình sự, TTHS. Chú trọng phối hợp giảng giải các kinh nghiệm THQCT để phát hiện các vi phạm của CQĐT, kịp thời thay đổi, hủy bỏ các biện pháp áp dụng đối với người bị khởi tố, áp dụng các phương pháp điều tra đúng quy định pháp luật để không bỏ lọt tội phạm nhưng cũng không làm oan người vô tội.

Bốn là, nâng cao ý thức trách nhiệm, năng lực và trình độ của KSV; lựa chọn phân công KSV kiểm sát điều tra phù hợp; cần phải chú ý phân công các KSV chưa có kinh nghiệm (như mới bổ nhiệm hoặc luân chuyển từ khâu công tác khác sang...), Lãnh đạo viện chỉ đạo giải quyết án cần quan tâm sâu sát hơn để hạn chế vi phạm, thiếu sót, đối với các vụ án đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp, dư luận quan tâm... cần phân công KSV có năng lực và kinh nghiệm trực tiếp thực hành quyền công tố đối với các vụ án phức tạp.

3.2.5. Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc

Thực tế hiện nay cho thấy, mặc dù đã được Đảng, Nhà nước quan tâm nhưng cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện của ngành Kiểm sát nhân dân nói chung và VKSND tỉnh Vĩnh Phúc nói riêng còn hết sức khó khăn. Đặc biệt từ năm 2011, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 11-NQ/CP ngày 24-02-2011 về những giải pháp chủ yếu tập trung kiềm chế làm pháp, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội và Quyết định số 3063/QB-BTC ngày 03-12-2012 của Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2013, trong đó tại Điều 3 quy định: Ngoài tiết kiệm 10% chi thường xuyên ngay từ khâu dự toán và giữ lại phần tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên ngay từ khâu dự toán cho các cơ quan, đơn vị ở địa phương để bố trí chi cải cách tiền lương và thực hiện các chính sách an sinh xã hội, đã ảnh hưởng rất lớn đến nguồn kinh phí hoạt động của các đơn vị. Việc đầu tư cơ sở hạ tầng, khởi công các công trình mới bị dừng lại, trong khi đó trụ sở làm việc của các đơn vị VKSND còn chật hẹp, xuống cấp; cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật, phương tiện bảo đảm công tác còn thiếu thốn, lạc hậu, không đảm bảo tính cơ động, nhanh chóng trong việc thực hiện một số biện pháp điều tra như khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, khám xét... nên chưa đáp ứng kịp thời yêu cầu của công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình hiện nay. Để công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm đạt hiệu quả, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, đề nghị Đảng, Nhà nước cần quan tâm, đầu tư hơn nữa cho ngành Kiểm sát như: tăng cường cơ sở vật chất cho các VKS địa phương về phương tiện đi lại, máy tính, máy in, máy phô tô... tối thiểu mỗi cán bộ làm công tác nghiệp vụ phải có 01 máy tính, máy in kèm theo, cần trang bị đầy đủ các trang, thiết bị cần thiết phục vụ cho công tác khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, thu thập dấu vết, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử, kiểm sát tạm giữ, tạm giam và thi hành án (máy ảnh, máy quay, đèn pin, máy ghi âm, khẩu trang, áo mưa...).

Kết luận chương 3

Trong chương 3, tác giả đã phân tích những yêu cầu nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác từ thực tiễn tỉnh Vĩnh Phúc.

Trên cơ sở những yêu cầu phải nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố, tác giả đã đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Đó là các giải pháp: hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự; nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của VKSND; nâng cao chất lượng quản lý, chỉ đạo, điều hành; nâng cao chất lượng đội ngũ Kiểm sát viên và tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc

KẾT LUẬN

1. Trong những năm qua, tình hình tội phạm có chiều hướng diễn biến phức tạp, đặc biệt là tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. VKSND có chức năng thực hành quyền công tố là một trong những chức năng quan trọng để đảm bảo việc truy tố đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật. Nhưng cũng đồng thời không bỏ lọt tội phạm và không làm oan người vô tội. Vì vậy, việc nghiên cứu hoạt động thực hành quyền công tố của VKSND đặc biệt là thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác từ thực tiễn tỉnh Vĩnh Phúc, từ đó đề ra những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và đường hướng xử lý đối với loại tội phạm này có ý nghĩa quan trọng và thiết thực đối với công tác của ngành kiểm sát nói chung và ngành kiểm sát tỉnh Vĩnh Phúc nói riêng.

2. Trên cơ sở nghiên cứu, phân tích những vấn đề lý luận về hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác để đánh giá một cách khách quan thực trạng hoạt động thực hành quyền công tố của VKS tỉnh Vĩnh Phúc từ năm 2012 đến năm 2016 để chỉ ra những kết quả đạt được cũng như hạn chế, tồn tại trong quá trình thực hành quyền công tố. Từ đó đề ra những giải pháp để góp phần nâng cao chất lượng công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

Đề tài tập trung nghiên cứu những quy định pháp luật của công tác thực hành quyền công tố nói chung và thực hành quyền công tố nói riêng và việc áp dụng những quy định đó vào công tác thực tiễn để đảm bảo việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật.

3. Kết quả nghiên cứu đề tài không những góp phần làm sáng tỏ những

vấn đề lý luận về THQCT trong giai đoạn điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, mà còn góp phần vào việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống lý luận về áp dụng pháp luật của VKSND trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự và hoàn thiện khoa học THQCT án hình sự ở nước ta trong thời kỳ cải cách tư pháp. Về mặt thực tiễn: Những nội dung nghiên cứu của đề tài có thể làm tài liệu tham khảo cho hoạt động nghiên cứu khoa học, giảng dạy, đào tạo Kiểm sát viên, phục vụ công tác nghiên cứu hoàn thiện pháp luật; nhất là pháp luật hình sự và TTHS; góp phần nâng cao hiệu quả vai trò VKSND trong hoạt động thực hành quyền công tố và thực hiện chương trình quốc gia phòng chống tội phạm của Chính phủ.

Tuy nhiên, do năng lực và phương pháp nghiên cứu còn có một số hạn chế nhất định. Vì vậy, nội dung của đề tài không tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót nhất định, rất mong được sự giúp đỡ của các Thầy giáo, Cô giáo và bạn đồng nghiệp để tác giả tiếp tục nghiên cứu phát triển đề tài ở phạm vi rộng hơn, sâu hơn trong tương lai.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Hòa Bình (2015), *Nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp*, Tạp chí kiểm sát, (số 04).
2. Bộ chính trị (2002), *Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 về Một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*, Hà Nội.
3. Bộ chính trị (2005), *Nghị quyết 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 Về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
4. Bộ chính trị (2005), *Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
5. Lê Cẩm (2001), *Những vấn đề lý luận về chế định quyền công tố* (nhìn nhận từ góc độ nhà nước pháp quyền), Tạp chí khoa học pháp lý, (số 04).
6. Trịnh Ngọc Chính (2015), *Công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra trong Luật tổ chức VKS nhân dân năm 2014*, Tạp chí kiểm sát, (số 3).
7. Đề tài khoa học cấp Bộ (2005): *"Vai trò của Viện kiểm sát trong việc thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp theo tinh thần Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị"*, Viện Khoa học kiểm sát – VKSNDTC, Hà Nội.
8. Trần Văn Độ (1999), *"Một số vấn đề về quyền công tố"*, Kỷ yếu đề tài cấp Bộ: *Những vấn đề lý luận về quyền công tố và thực tiễn hoạt động quyền công tố ở Việt Nam từ năm 1945 đến nay*, Viện Khoa học kiểm sát - Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hà Nội.
9. Đỗ Văn Dương (1999), *"Khái niệm, đối tượng, phạm vi, nội dung quyền công tố"*, Kỷ yếu đề tài khoa học cấp Bộ: *Những vấn đề lý luận về*

quyền công tố và thực tiễn hoạt động công tố ở Việt Nam từ năm 1945 đến nay, Viện Khoa học kiểm sát - Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hà Nội.

10. Lê Thị Tuyết Hoa (2000), *Quyền công tố ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Học viện Khoa học xã hội.

11. Lê Thị Tuyết Hoa (2002), *Nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát trong giai đoạn điều tra tội phạm*, Tạp chí kiểm sát, (số 08).

12. Phạm Mạnh Hùng (2012), "*Một số vấn đề về trách nhiệm của công tố trong hoạt động khởi tố vụ án, khởi tố bị can theo yêu cầu cải cách tư pháp*", Đề tài khoa học cấp Bộ, Hà Nội.

13. Huỳnh Minh Khởi (2015), *Thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự từ thực tiễn tỉnh Kiên Giang*, Học viện Khoa học xã hội.

14. Trần Công Phàn (2012), "*Viện kiểm sát các cấp cần tập trung làm tốt việc tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với điều tra*", Tạp chí kiểm sát, (số 16).

15. Trần Công Phàn (2011), *Công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát các hoạt động tư pháp của Viện kiểm sát nhân dân trong tình hình mới và một số vấn đề tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm*, Báo cáo chuyên đề, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hà Nội.

16. Nguyễn Hải Phong (2013), *Một số vấn đề tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra theo yêu cầu cải cách tư pháp*, Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội.

17. Nguyễn Thái Phúc (1995), *Một số vấn đề về quyền công tố của viện kiểm sát nhân dân*, Kỷ yếu đề tài khoa học học cấp bộ: *Những vấn đề lí luận và thực tiễn cấp bách của tố tụng hình sự Việt Nam*, Viện khoa học kiểm sát-Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hà Nội.

18. Nguyễn Thái Phúc (2007), "*Viện kiểm sát hay Viện công tố*", Tạp chí khoa học pháp lý, (số 02).
19. Quốc hội (2013), *Hiến pháp năm 2013*, Nhà xuất bản Lao động, Hà Nội.
20. Quốc hội (2003), *Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003*, Nhà xuất bản Lao động, Hà Nội.
21. Quốc hội (2009), *Bộ luật hình sự 1999 (sửa đổi, bổ sung 2009)*, Nhà xuất bản Lao động, Hà Nội.
22. Quốc hội (2015), *Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015*, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội.
23. Quốc hội (2002), *Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
24. Quốc hội (2014), *Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
25. Lê Hữu Thế (2005), *Thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra*, Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội.
26. Lê Hữu Thế (chủ biên), Đỗ Văn Dương, Nông Xuân Trường (2008). *Quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp*, Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội.
27. Võ Thọ (1985), *Một số vấn đề về Luật tố tụng hình sự*, Nhà xuất bản Pháp lý, Hà Nội.
28. Trường Đại học Luật Hà Nội (2005), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự*, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội.
29. Trường Đại học Luật Hà Nội (2006), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, tập 1, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội.
30. Trường Cao đẳng kiểm sát (1998), *Giáo trình công tác kiểm sát*, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội.
31. Từ điển tiếng Việt, Nhà xuất bản Đà Nẵng, 1998.

32. Viện Khoa học kiểm sát - Viện kiểm sát nhân dân tối cao (1999), *Những vấn đề lý luận về quyền công tố và thực tiễn hoạt động công tố ở Việt Nam từ 1945 đến nay*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Hà Nội.

33. Viện Khoa học kiểm sát - Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2005), *Vai trò của Viện kiểm sát trong việc thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp theo tinh thần Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Hà Nội.

34. Viện Khoa học kiểm sát - Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2005), *Những giải pháp nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Hà Nội.

35. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc (2012), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2012*, Vĩnh Phúc.

36. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc (2013), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2013*, Vĩnh Phúc.

37. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc (2014), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2014*, Vĩnh Phúc.

38. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc (2015), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2015*, Vĩnh Phúc.

39. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc (2016), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2016*, Vĩnh Phúc.

40. Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Công an - Bộ Quốc phòng (2005), *Thông tư liên tịch 05/2005/TTLT-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 07/9 về quan hệ phối hợp giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự 2003*, Hà Nội.

41. Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc (2012), *Báo cáo tổng kết năm 2012*, Vĩnh Phúc.

42. Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc (2013), *Báo cáo tổng kết năm 2013*, Vĩnh Phúc
43. Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc (2014), *Báo cáo tổng kết năm 2014*, Vĩnh Phúc.
44. Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc (2015), *Báo cáo tổng kết năm 2015*, Vĩnh Phúc.
45. Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc (2016), *Báo cáo tổng kết năm 2016*, Vĩnh Phúc
46. Võ Khánh Vinh (2014), *Luật hình sự Việt Nam, phân các tội phạm*, Nhà xuất bản khoa học xã hội, Hà Nội.
47. Võ Khánh Vinh (2004), *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự*, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội.